



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

15

Tháng 8 - 2014

ĐOÀN GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI LÀM VIỆC VỚI BỘ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2014



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng báo cáo tại buổi làm việc



Chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, Trưởng đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội Trương Thị Mai phát biểu kết luận buổi làm việc

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

**THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI LĂM**

**15
SỐ 15 - 8/2014**

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thông tư số 09/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng 5
- Thông tư số 10/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định một số nội dung về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ 7

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa Thanh tra Sở Xây dựng, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trong việc quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk 8
- Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định quản lý, sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế 10
- Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định hạn mức giao đất ở, đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho mỗi hộ gia đình, cá nhân; công nhận quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất có vườn, ao; diện tích tối thiểu của thửa đất mới hình thành và các trường hợp không được tách thửa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị 11
- Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng 13



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy hoạch hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn lĩnh vực kết cấu xây dựng đến năm 2030” 16
- Nghiệm thu Nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng chương trình và tài liệu giảng dạy về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng” 17
- Nghiệm thu 02 dự thảo Tiêu chuẩn về xi măng 19
- Nghiệm thu Nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia Ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) 20
- Nghiệm thu Nhiệm vụ: Điều tra đánh giá hiện trạng và đề xuất chương trình phát triển tái chế chất thải rắn sinh hoạt nông thôn 22
- Tấm bọt xốp polystyrene - vật liệu giữ nhiệt tổng hợp cho sàn, móng, tường và mái nhà 24
- Phát triển năng lượng tái tạo - Sự đóng góp quan trọng cho việc bảo vệ môi trường 26
- Máy xử lý rác thải thực phẩm tại Trung Quốc: Con đường quan trọng và căn bản giải quyết vấn đề rác thải đô thị 29

Thông tin

- Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội làm việc với Bộ Xây dựng 33
- Hội nghị thẩm định quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực hệ thống sông Đồng Nai đến năm 2030 35
- Hội thảo quản lý tổng hợp chất thải rắn tại Việt Nam 37
- Hội thảo “Vật tư thiết bị ngành nước trong công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch” 39
- Mô hình phát triển nhà ở giá rẻ tiêu biểu ở thành phố Đam Châu thuộc tỉnh Hải Nam, Trung Quốc 41
- Bằng cách nào để xây dựng đô thị thông minh phát triển bền vững 44
- Công cuộc xây dựng thành phố thông minh tại Châu Âu và những gợi ý 46



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Thông tư số 09/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng

Ngày 10/7/2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 09/2014/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Cụ thể, Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 được sửa đổi như sau: Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư có thể ủy quyền quản lý dự án trong trường hợp trực tiếp quản lý dự án hoặc tư vấn quản lý dự án trong trường hợp thuê tư vấn quản lý dự án thực hiện một hoặc một số các nội dung nêu tại Khoản 1 Điều này, trừ nội dung phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình. Khoản 7 Điều 24 được sửa đổi, bổ sung thành: Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình bao gồm chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng, chi phí thuê cá nhân (chuyên gia) và chi phí thuê đơn vị sự nghiệp, tổ chức có năng lực chuyên môn phù hợp để thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng trong trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu theo quy định tại Khoản 6 Điều này. Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được quy định như sau: Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo hướng dẫn về chế độ công tác phí của Bộ Tài chính gồm chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, chi phí ở và chi phí khác phục vụ công tác kiểm tra. Chi phí thuê chuyên gia của cơ quan chuyên môn về xây dựng bao gồm chi

phí đi lại, chi phí ở và công chuyên gia. Chi phí thuê đơn vị sự nghiệp, tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được lập dự toán căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng và quy định của pháp luật về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Cơ quan chuyên môn về xây dựng lập dự trù chi phí kiểm tra theo quy định hiện hành bao gồm chi phí quy định tại điểm a và điểm b Khoản này. Dự trù chi phí kiểm tra là cơ sở để chủ đầu tư thanh toán các chi phí thực tế của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình kiểm tra. Khoản 2 Điều 25 được sửa đổi như sau: Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Công Thương kiểm tra đối với các công trình cấp I trở lên không phân biệt nguồn vốn thuộc các loại đường dây tải điện và trạm biến áp, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin, nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, nhà kho và tuyến đường ống, nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp; công trình cấp II, cấp III thuộc các loại đường dây tải điện và trạm biến áp, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin trong dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định đầu tư. Điều 25 được bổ sung thêm Khoản 10, cụ thể như sau: Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng không thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng đối với

các công trình đã được Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng tổ chức kiểm tra, nghiệm thu.

Thông tư này cũng sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 2 của Quy định Tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 12/2013/TT-BXD ngày 31/7/2013. Cụ thể: Công trình đã được nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng tối thiểu hết thời gian bảo hành đối với công trình tham dự Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng; công trình đã được nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng đối với công trình tham dự Giải thưởng Công trình chất lượng cao tính đến thời điểm đăng ký tham dự xét thưởng.

Cũng theo Thông tư này, Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung một số điểm. Cụ thể, sửa đổi điểm c Khoản 2 Điều 4 như sau: Sự hợp lý của thiết kế để đảm bảo tiết kiệm chi phí trong xây dựng công trình: kiểm tra sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế, kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng chế độ chính sách, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức xây dựng công trình, định mức tỉ lệ, dự toán chi phí tư vấn và các khoản mục chi phí khác, xác định giá trị dự toán công trình, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng. Điểm a và điểm b Khoản 4 Điều 5 được sửa đổi như sau: Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Công Thương thẩm tra công trình cấp I trở lên không phân biệt nguồn vốn thuộc các loại đường dây tải điện và trạm biến áp, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin, nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, các công trình nhà kho và tuyến đường ống, nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp; công trình cấp II, cấp III thuộc các loại đường dây tải điện và trạm biến áp, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin trong dự án đầu

tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định đầu tư. Điều 5 được bổ sung thêm Khoản 9, Khoản 10, Khoản 11, cụ thể như sau: Căn cứ điều kiện thực tế của các địa phương, UBND cấp tỉnh có thể ủy quyền thực hiện thẩm tra thiết kế đối với một số công trình cấp III, IV thuộc trách nhiệm thẩm tra của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành cho UBND cấp huyện, Ban quản lý các khu đô thị, Ban quản lý các khu công nghiệp thực hiện. Khi thẩm tra thiết kế các công trình đường bộ trong đô thị, căn cứ thẩm quyền tương ứng được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 7 Điều này, cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm lấy ý kiến của Cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng về các hạng mục cây xanh, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước, tuy-nen kỹ thuật và hạng mục hạ tầng kỹ thuật đô thị khác (nếu có) để đảm bảo tính đồng bộ, nâng cao hiệu quả sử dụng, tiết kiệm chi phí, bảo đảm cảnh quan và môi trường. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc lấy ý kiến quy định tại Khoản 10 Điều này, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải. Nếu quá thời hạn nêu trên mà cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng không có văn bản tham gia ý kiến thì cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải có quyền thông báo kết quả thẩm tra đối với các công trình đường trong đô thị cho chủ đầu tư. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về việc không có ý kiến của mình.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2014.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

Thông tư số 10/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định một số nội dung về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ

Ngày 11/7/2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 10/2014/TT-BXD quy định một số nội dung về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ.

Theo Thông tư này, công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng công trình nhà ở do chủ nhà và các tổ chức cá nhân có liên quan thực hiện phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, tuân thủ giấy phép xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng có liên quan, đảm bảo an toàn cho công trình xây dựng và các công trình liền kề, lân cận, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Về khảo sát xây dựng nhà ở, tùy theo quy mô nhà ở, việc khảo sát xây dựng thực hiện theo các quy định sau: Đối với nhà ở có tổng diện tích sàn xây dựng bằng hoặc nhỏ hơn 250 m², từ 2 tầng trở xuống, chủ nhà tự thực hiện khảo sát xây dựng nếu có kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng khảo sát nhằm đảm bảo an toàn công trình nhà ở và các công trình lân cận. Khuyến khích chủ nhà thuê nhà thầu khảo sát xây dựng có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện khảo sát địa chất công trình. Đối với nhà ở có tổng diện tích sàn xây dựng lớn hơn 250 m², từ 3 tầng trở lên, chủ nhà phải thuê nhà thầu khảo sát xây dựng có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện khảo sát địa chất công trình.

Về thiết kế xây dựng nhà ở, đối với nhà ở có tổng diện tích sàn xây dựng bằng hoặc nhỏ hơn 250 m², từ 2 tầng trở xuống, việc thiết kế nhà ở thực hiện như sau: Mọi tổ chức, cá nhân được thiết kế nếu có đủ năng lực, kinh nghiệm thiết kế nhà ở có quy mô tương tự và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng thiết kế.

Trường hợp ở nông thôn, khi xây dựng nhà ở một tầng có kết cấu đơn giản thì không bắt buộc phải lập bản vẽ thiết kế cụ thể, chủ nhà có thể thi công theo mẫu nhà ở đã được xây dựng nhưng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình nhà ở. Khuyến khích chủ nhà thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thiết kế nhà ở. Đối với nhà ở có tổng diện tích sàn xây dựng lớn hơn 250 m², từ 3 tầng trở lên hoặc nhà ở trong khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa hoặc trường hợp nâng tầng nhà ở thì việc thiết kế phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động thiết kế xây dựng thực hiện. Đối với nhà ở từ 7 tầng trở lên, chủ nhà phải gửi hồ sơ thiết kế đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp của chính quyền địa phương để thẩm tra thiết kế theo quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và Thông tư số 12/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình.

Thông tư này quy định, trong quá trình thi công xây dựng, chủ nhà chịu trách nhiệm tổ chức giám sát hoặc ủy quyền cho người đại diện giám sát thi công xây dựng kiểm tra các nội dung: Chất lượng vật liệu, cấu kiện xây dựng, thiết bị... trước khi đưa vào thi công xây dựng nhà ở; hệ thống cốt pha, đà giáo, giàn giáo thi công; các biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công; biện pháp che chắn để đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường cho người và công trình liền kề, lân cận. Đối với nhà ở từ 7 tầng trở lên, ngay sau khi khởi công, chủ nhà phải gửi báo cáo đến Sở Xây dựng thông tin công trình như tên và địa chỉ liên lạc của chủ nhà, địa điểm xây dựng, quy mô và tiến độ thi công dự kiến của công trình. Trong quá

trình thi công, chủ nhà có trách nhiệm tổ chức giám sát, nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Khi hoàn thành công trình, chủ nhà có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ theo nội dung tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Sở Xây dựng để kiểm tra trước khi đưa công trình vào sử dụng. Chủ nhà và các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thi công xây dựng công trình chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung công việc do mình thực hiện.

Chủ nhà có trách nhiệm bảo trì nhà ở của mình theo các quy định tại Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/02/2010 của Chính phủ quy định về bảo trì công trình xây dựng, Thông tư số 02/2012/TT-BXD ngày 12/6/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về bảo trì công trình dân dụng, công trình công

ngiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Theo Thông tư này, trước khi thi công, chủ nhà chủ động liên hệ với các chủ công trình liền kề, lân cận để kiểm tra hiện trạng và ghi nhận các khuyết tật của công trình liền kề, lân cận (nếu có). Trong quá trình thi công nếu phát hiện công trình liền kề, lân cận có dấu hiệu bị lún, nứt, thấm, dột hoặc có nguy cơ sụp đổ do ảnh hưởng của việc xây dựng nhà ở gây ra, chủ nhà phải phối hợp với các chủ công trình liền kề, lân cận xem xét, xác định nguyên nhân và thống nhất biện pháp khắc phục. Trường hợp các bên không thống nhất thì tranh chấp phát sinh giữa chủ nhà với chủ các công trình liền kề, lân cận được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2014.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa Thanh tra Sở Xây dựng, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trong việc quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Ngày 27/6/2014, UBND tỉnh Đắk Lắk đã có Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa Thanh tra Sở Xây dựng, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trong việc quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quy chế này, quan hệ phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan theo quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo sự thống nhất và tránh chồng chéo trong việc quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh. Quy chế này xác định rõ

trách nhiệm của cơ quan chủ trì, các cơ quan phối hợp có trách nhiệm tham gia, phối hợp với các cơ quan chủ trì theo chức năng nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

Quy chế này quy định trách nhiệm của Thanh tra Sở Xây dựng. Theo đó, Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật Xây dựng ngày 26/11/2003: Phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo

thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm phát luật về xây dựng; thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép quy định tại Điều 17 Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp Giấy phép xây dựng, lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện trật tự xây dựng trên địa bàn và xử lý vi phạm hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra việc xây dựng trên cơ sở các quy định hiện hành. Chánh Thanh tra Sở thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng đô thị, xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn được quy định tại Khoản 4 Điều 10, Điều 21 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị và thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 59, Điều 63 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở.

UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng liên quan đến công tác kiểm tra theo quy định tại Khoản 3 Điều 100 Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003, Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp Giấy phép xây dựng. Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ: Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng theo thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính, ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng đô thị, xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn được quy định tại Khoản 2 Điều 10, Điều 18

Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ: Đôn đốc, kiểm tra Chủ tịch UBND cấp xã trong việc thực hiện quản lý trật tự xây dựng đô thị thuộc địa bàn, chịu trách nhiệm về tình hình vi phạm trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn, kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh ban hành biện pháp cần thiết, phù hợp thực tế, nhằm quản lý trật tự xây dựng đô thị có hiệu quả; quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm do UBND cấp huyện cấp Giấy phép xây dựng hoặc Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng mà công trình xây dựng đó đã bị UBND cấp xã quyết định đình chỉ thi công xây dựng; chỉ đạo Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ những công trình vi phạm theo quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện và Chánh Thanh tra Sở Xây dựng.

UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng liên quan đến công tác kiểm tra việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành Xây dựng, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm; kiểm tra, xử lý các hành vi xâm phạm đường giao thông và các công trình cơ sở hạ tầng khác ở địa phương theo quy định của pháp luật; quản lý các mốc giới, chỉ giới xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn xã theo Quy chế quản lý kiến trúc đô thị và quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra việc xây dựng công trình theo giấy phép được cấp trên địa bàn xã.

Ngoài ra, Quy chế này còn quy định trách nhiệm của Thanh tra Sở Xây dựng, trách nhiệm của UBND cấp huyện, cấp xã, của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và các Sở, ngành có liên quan trong phối hợp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự xây dựng.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.daklak.gov.vn)

Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định quản lý, sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngày 10/7/2014, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định quản lý, sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Việc quản lý sử dụng nhà ở công vụ phải đảm bảo đúng nguyên tắc: Nhà ở công vụ được sử dụng đúng mục đích và đúng đối tượng; nhà ở công vụ phải được quản lý chặt chẽ trong quá trình quản lý sử dụng, không được tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng, việc cho thuê phải đảm bảo đúng đối tượng và điều kiện theo quy định. Khi hết tiêu chuẩn thuê nhà ở công vụ chuyển đến nơi khác hoặc nghỉ công tác thì người thuê nhà ở công vụ có trách nhiệm trả lại nhà công vụ. Nếu nhà công vụ nằm trong khu nhà chung cư, thực hiện theo quy chế quản lý và sử dụng nhà chung cư. Nếu nhà ở công vụ là khu nhà ở riêng biệt thì việc quản lý, bảo trì, cải tạo thực hiện theo quy định về quản lý, bảo trì, cải tạo quỹ nhà ở thuộc sở hữu nhà nước hiện hành. Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý vận hành, bảo trì, cho thuê nhà ở công vụ, đảm bảo an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường. Đối với phần diện tích dùng để kinh doanh, dịch vụ (được ghi rõ trong dự án đầu tư nhà ở công vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt) thì đơn vị quản lý vận hành được khai thác kinh doanh để bù đắp cho chi phí quản lý vận hành và bảo trì nhà ở công vụ. Trường hợp đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ trực tiếp thu phí sử dụng các dịch vụ như điện, nước, internet hoặc dịch vụ trông giữ tài sản thì phải đảm bảo nguyên tắc không nhằm mục đích kinh doanh trong hoạt động thu phí này.

Việc cải tạo, phá dỡ nhà ở công vụ đang cho thuê được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng. Trong thời

gian cải tạo nhà ở công vụ, đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ phải bố trí nơi ở khác cho người thuê với diện tích và điều kiện tương đương với nhà ở công vụ đang sử dụng.

Điều kiện thuê nhà ở công vụ bao gồm: Có quyết định bổ nhiệm, điều động luân chuyển công tác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại địa phương nơi người đó đến công tác; chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội tại địa phương nơi người đó đến công tác; trường hợp khác do UBND tỉnh quyết định.

Theo Quy định này, cán bộ, công chức thuộc diện được bố trí thuê nhà ở công vụ phải có đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ được cơ quan nơi mình đang công tác xác nhận. Người thuê nhà ở công vụ nộp 2 bộ hồ sơ tại Trung tâm Phát triển Quỹ đất, bao gồm: đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ có xác nhận của Cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý; bản sao Quyết định điều động công tác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét Quyết định bố trí nhà ở công vụ cho người có nhu cầu. Căn cứ quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tiến hành ký hợp đồng thuê nhà ở công vụ.

Người thuê nhà ở công vụ có quyền: Được sử dụng phần diện tích nhà ở công vụ theo hợp đồng thuê để ở cho bản thân và các thành viên trong gia đình; đề nghị đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ sửa chữa kịp thời những hư hỏng của nhà ở công vụ đang thuê; được bố trí nhà ở khác với diện tích tương ứng diện tích đã thuê trong trường hợp nhà ở công vụ đang thuê phải cải tạo, phá dỡ; tiếp tục thuê nhà ở công vụ hết hạn thuê nhà ở mà vẫn thuộc đối tượng và có đủ

điều kiện được bố trí thuê nhà ở công vụ. Người thuê nhà ở công vụ có nghĩa vụ: Sử dụng nhà ở đúng mục đích, giữ gìn nhà ở và các trang thiết bị kèm theo, có trách nhiệm sửa chữa những hư hỏng và bồi thường thiệt hại do mình gây ra; trả đủ tiền thuê nhà ở công vụ đúng thời hạn ghi trong hợp đồng thuê nhà ở công vụ với đơn vị quản lý vận hành, thanh toán các chi phí sử dụng điện, nước, điện thoại và các dịch vụ khác với bên cung cấp dịch vụ; không được tự ý cải tạo, sửa chữa nhà ở công vụ dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà ở công vụ; không được chuyển đổi hoặc cho thuê lại hoặc cho ở nhờ, cho mượn nhà ở công vụ dưới bất kỳ hình thức nào; chấp hành nghiêm chỉnh Bản nội quy sử dụng nhà ở công vụ; chấp hành các quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường và an ninh, trật tự trong khu vực cư trú, thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đăng ký tạm trú cho bản thân và các thành viên trong gia đình khi

chuyển đến nhà ở công vụ; trả lại nhà ở công vụ cùng trang bị nội thất kèm theo cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ trong thời hạn 3 tháng kể từ khi không còn thuộc đối tượng được thuê nhà ở công vụ hoặc không còn nhu cầu thuê nhà ở công vụ và trả tiền thuê nhà ở công vụ, các khoản phí dịch vụ kể từ ngày quyết định thu hồi nhà ở công vụ có hiệu lực thi hành cho đến ngày hoàn thành việc thu hồi nhà ở công vụ.

Những nội dung khác không quy định trong Quy định này thì được thực hiện theo Thông tư số 01/2014/TT-BXD ngày 16/01/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại
www.thuathienhue.gov.vn)

Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định hạn mức giao đất ở, đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho mỗi hộ gia đình, cá nhân; công nhận quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất có vườn, ao; diện tích tối thiểu của thửa đất mới hình thành và các trường hợp không được tách thửa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Ngày 17/7/2014, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND về việc quy định hạn mức giao đất ở, đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho mỗi hộ gia đình, cá nhân; công nhận quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất có vườn, ao; diện tích tối thiểu của thửa đất mới hình thành và các trường hợp không được tách thửa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Theo Quy định này, hạn mức giao đất ở cho

mỗi hộ gia đình, cá nhân ở khu vực nông thôn theo quy định tại Điều 143 Luật Đất đai 2013 ở các xã đồng bằng là 300 m², các xã Trung du, miền núi và ven biển là 400 m², đối với nơi có phong tục, tập quán nhiều thế hệ cùng sinh sống trong một hộ gia đình là 600 m². Quy định này chỉ áp dụng đối với nơi có phong tục, tập quán chung cho cả khu vực dân cư, không áp dụng cho trường hợp riêng, cá biệt. Đối với khu vực đô thị theo quy định tại Điều 144 Luật Đất

đai 2013, tại khu vực thành phố, thị xã, vị trí 1 của đường phố loại I, II là 120 m², vị trí 1 của đường phố loại III, IV và vị trí 2, 3 của đường phố loại I, II là 200 m², các khu vực còn lại là 250 m²; tại khu vực thị trấn, vị trí 1 của đường phố loại I, II, III là 250 m², các khu vực còn lại là 300 m². Hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai 2013, đối với khu vực nông thôn, tại các xã đồng bằng là 400 m², các xã Trung du, miền núi và ven biển là 500 m², đối với nơi có tập quán nhiều thế hệ cùng sinh sống trong một hộ gia đình là 500 - 1.000 m². Quy định này chỉ áp dụng đối với nơi có phong tục, tập quán chung cho cả khu vực dân cư, không áp dụng cho trường hợp riêng, cá biệt; đối với khu vực đô thị, tại khu vực thành phố, thị xã, vị trí của đường phố loại I, II là 250 m², vị trí 1 của đường phố loại III, IV và vị trí 2, 3 của đường phố loại I, II là 300 m², các khu vực còn lại là 400 m²; tại khu vực thị trấn, vị trí 1 của đường phố loại I, II, III là 300 m², các khu vực còn lại là 400 m². Đối với các lô đất thuộc dự án đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở thì thực hiện theo quy hoạch chi tiết phân lô đã được phê duyệt nhưng không vượt quá 500 m²/lô đối với khu vực đô thị và không vượt quá 800 m²/lô đối với khu vực nông thôn.

Quy định này quy định: Thửa đất mới hình thành hoặc thửa đất còn lại, sau khi tách thửa (đã trừ hành lang bảo vệ các công trình công cộng), phải phù hợp với quy hoạch về mục đích sử dụng đất và phải đảm bảo mức tối thiểu sau đây: Đối với đất ở, khu vực đô thị là 40 m², có chiều rộng mặt tiền tối thiểu là 4,0 m và chiều sâu tối thiểu là 9,0 m; khu vực nông thôn là 60 m², có chiều rộng mặt tiền tối thiểu là 5,0 m và chiều sâu tối thiểu là 9,0 m. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đối với hộ gia đình, cá nhân là 25 m², có chiều rộng mặt tiền và chiều sâu tối thiểu là 3,0 m; đối với tổ chức thì căn cứ theo dự án đầu tư đã được cơ quan Nhà

nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc dự án sản xuất kinh doanh được chấp thuận. Trong trường hợp thửa đất có hình dạng đặc thù, nếu trong phạm vi thửa đất đó khi dựng một hình đại diện có 4 cạnh mà thỏa mãn điều kiện về diện tích, kích thước cạnh tối thiểu như quy định trên thì được lập thành thửa mới. Các loại đất còn lại căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và xét nhu cầu của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Không áp dụng quy định diện tích tối thiểu của thửa đất mới hình thành trong các trường hợp sau đây: Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ thửa đất, mà thửa đất đó đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích đất còn lại do Nhà nước thu hồi đất, trưng dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; đất trong trường hợp được tặng, cho nhà tình thương, nhà tình nghĩa và diện tích còn lại sau khi hiến tặng cho Nhà nước; các trường hợp bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước theo Nghị định 61/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ; thửa đất đang sử dụng hình thành từ trước ngày 14/3/2005 (ngày UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 417/QĐ-UBND về việc quy định hạn mức giao đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị); trường hợp xin tách thửa đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu để đồng thời hợp thửa đất đó với thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng để tạo thành thửa đất mới có diện tích bằng hoặc lớn hơn diện tích tối thiểu quy định tại Điều này.

Đối với các hồ sơ đề nghị giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tách thửa đã nộp trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì được áp dụng theo Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.quangtri.gov.vn)

Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Ngày 21/7/2014, UBND tỉnh Lâm Đồng đã có Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Theo Quy định này, việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng nhằm nâng cao trách nhiệm và tăng cường phối hợp giữa Sở Xây dựng với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý các Khu công nghiệp, UBND cấp huyện, đảm bảo sự thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật. Loại công trình nêu trong Quy định này áp dụng theo Phụ lục Phân loại công trình xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây gọi tắt là Phụ lục Phân loại công trình). Cấp công trình nêu trong quy định này áp dụng theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây gọi là Phụ lục I). Số tầng nhà nêu trong Quy định này áp dụng theo quy định tại điểm 1.5.11 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 03:2012/BXD về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Quy định này quy định: Sở Xây dựng quản lý nhà nước về chất lượng các công trình dân dụng quy định tại Mục I, công trình sản xuất vật liệu xây dựng quy định tại Điểm 1 Mục II và công trình hạ tầng kỹ thuật quy định tại Mục III Phụ lục Phân loại công trình, trừ công trình phân cấp cho UBND cấp huyện tại Khoản 6 Điều này và các công trình đầu tư xây dựng

trong các Khu công nghiệp. Sở Công Thương quản lý nhà nước về chất lượng các công trình công nghiệp quy định tại Mục II Phụ lục Phân loại công trình, trừ công trình sản xuất vật liệu xây dựng và công trình phân cấp cho UBND cấp huyện tại Khoản 6 Điều này và các công trình đầu tư xây dựng trong các Khu công nghiệp. Sở Giao thông vận tải quản lý nhà nước về chất lượng công trình giao thông quy định tại Mục IV Phụ lục Phân loại công trình, trừ công trình phân cấp cho UBND cấp huyện tại Khoản 6 Điều này và các công trình đầu tư xây dựng trong các Khu công nghiệp. Ban quản lý các Khu công nghiệp quản lý chất lượng các công trình đầu tư xây dựng trong các Khu công nghiệp. UBND cấp huyện quản lý chất lượng các công trình cấp III, cấp IV thuộc công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn đầu tư trên địa bàn cấp huyện. Trường hợp một dự án đầu tư xây dựng gồm nhiều công trình xây dựng có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chính của dự án là cơ quan chủ trì về công tác quản lý chất lượng xây dựng các công trình của dự án.

Đối với việc kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng, Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý các Khu công nghiệp và UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình thuộc nhiệm vụ thẩm tra thiết kế theo quy định. Nội dung kiểm tra, kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng. Phối hợp

trong kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan được phân công, phân cấp kiểm tra công trình, hạng mục công trình chính của dự án có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng đối với toàn bộ các công trình, hạng mục công trình của dự án thuộc đối tượng phải được kiểm tra. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm mời Sở Xây dựng tham gia kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình xây dựng chuyên ngành vào sử dụng. Thông báo kết quả kiểm tra được gửi đến Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi. Ban quản lý các Khu công nghiệp, UBND cấp huyện có trách nhiệm gửi thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng đến Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổng hợp, theo dõi.

Cũng theo Quy định này, Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm: Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện quy định pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý các Khu công nghiệp, UBND cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng; kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình được phân công và kiểm tra công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý các Khu công nghiệp, UBND cấp huyện khi xét

thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh; thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng; phối hợp với Bộ Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ban quản lý các Khu công nghiệp tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình thuộc trách nhiệm được phân công; hướng dẫn UBND cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành; thẩm tra thiết kế xây dựng công trình theo quy định; kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng; chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại Điều 39 Nghị định 15/2013/NĐ-CP đối với các công trình xây dựng chuyên ngành trừ các công trình được đầu tư xây dựng trong các Khu công nghiệp. Ban quản lý các Khu công nghiệp có trách nhiệm kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng các công trình xây dựng trong Khu công nghiệp; hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trong các Khu công nghiệp; thẩm tra thiết kế xây dựng công trình theo quy định; kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo quy định; chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức

giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại Điều 39 Nghị định 15/2013/NĐ-CP đối với các công trình xây dựng trong Khu công nghiệp.

UBND cấp huyện có trách nhiệm phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn huyện cho các phòng, ban chuyên môn, UBND xã, phường, thị trấn trực thuộc; hướng dẫn UBND xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng; kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng các công trình xây dựng đối với các công trình thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước được phân cấp theo quy định; thẩm tra thiết kế xây

dựng công trình theo quy định; kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo quy định; phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ban quản lý các Khu công nghiệp kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn cấp huyện; chỉ đạo, hỗ trợ các bên có liên quan tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố công trình trên địa bàn huyện.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.lamdong.gov.vn)

Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy hoạch hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn lĩnh vực kết cấu xây dựng đến năm 2030”

Ngày 30/7/2014, tại Trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu các kết quả của Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy hoạch hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn lĩnh vực kết cấu xây dựng đến năm 2030” do Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng (IBST) chủ trì thực hiện. Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường (Bộ Xây dựng) chủ trì Hội nghị.

Theo báo cáo của Chủ nhiệm đề tài - PGS, TS. Nguyễn Võ Thông, Việt Nam hiện có 107 tiêu chuẩn liên quan tới lĩnh vực kết cấu xây dựng, trong đó, phần lớn đã được biên soạn dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn của Liên Xô trước đây, số còn lại dựa trên các tiêu chuẩn tương ứng của các nước Anh, Mỹ, Trung Quốc và tiêu chuẩn ISO, EuroCode. Việc biên soạn và công bố các tiêu chuẩn thường xuất phát từ nhu cầu thực tế nên nó mang tính thời sự và không theo một quy hoạch xác định trước. Do đó, các tiêu chuẩn thường thiếu tính hệ thống, chưa cập nhật tình hình phát triển khoa học kỹ thuật của thời đại. Vì vậy, việc triển khai Đề tài này là rất cấp thiết, nhằm xác định danh mục các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong lĩnh vực kết cấu xây dựng, hoạch định được lộ trình, kế hoạch thực hiện xây dựng hệ thống tiêu chuẩn theo danh mục trong giai đoạn từ nay tới năm 2030.

PGS, TS. Nguyễn Võ Thông cho biết, trên cơ sở các tài liệu có liên quan thu thập được, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn trong lĩnh vực kết cấu xây dựng, cũng như những điểm phù hợp của các hệ thống tiêu chuẩn của một số quốc gia tiên tiến trên thế giới với điều kiện của Việt Nam. Từ đó, xây dựng



Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu - TS. Nguyễn Trung Hòa - chủ trì cuộc họp

các tiêu chí quy hoạch và thiết lập danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn cần được biên soạn tới năm 2030. Đây cũng là chủ trương lớn của Bộ Xây dựng được đề ra từ những năm 2001 - 2003 nhằm định hướng xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng của Việt Nam. Theo đó, việc hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng nói chung và trong lĩnh vực kết cấu xây dựng nói riêng được hoạch định đến năm 2010 theo hướng dựa trên cơ sở nghiên cứu và áp dụng các tiêu chuẩn châu Âu. Tuy nhiên, kết quả áp dụng vào thực tế vẫn còn nhiều tồn tại cần xem xét thêm.

Trong quá trình triển khai thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã tham vấn ý kiến của các chuyên gia để hoàn thiện báo cáo. Sản phẩm của đề tài gồm báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt, các phụ lục danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn của các nước mà nhóm thu thập được, tài liệu tham khảo trong nước và ngoài nước. Trong các báo cáo, nhóm đã đúc kết đưa ra một số kiến nghị đề xuất khá sắc nét: Đồng thời với việc quy hoạch hệ thống tiêu chuẩn - quy chuẩn đến năm 2030 theo định hướng chuyển dịch cơ bản từ các tiêu chuẩn, quy chuẩn tương

ứng của Liên bang Nga (tiêu chuẩn gốc nào có phiên bản mới nhất cũng cần được cập nhật kịp thời; tiêu chuẩn nào thiếu cần bổ sung bằng các tiêu chuẩn tương ứng của các nước khác trên nguyên tắc đồng bộ), thì các nhà nghiên cứu vẫn cần tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn dựa trên EuroCode theo nguyên tắc chấp nhận tiêu chuẩn nước ngoài. Trong quá trình soát xét nên có các đối chiếu, so sánh làm rõ sự giống nhau và khác nhau giữa các hệ thống tiêu chuẩn được lựa chọn; tham khảo về các phương pháp tính toán, thuật ngữ, các tiêu chí kỹ thuật liên quan. Tất cả các công việc trên nhằm đảm bảo cho hệ thống tiêu chuẩn thiết kế kết cấu đồng bộ với các mảng tiêu chuẩn khác (vật liệu; phương pháp thí nghiệm; thi công; nghiệm thu), và rộng hơn là với các lĩnh vực xây dựng khác (giao thông, thủy lợi...).

Nhận xét về Đề tài, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá: Nhóm tác giả đã hoàn thành Đề tài với phương pháp thực hiện rất khoa học bài bản, phân tích khá kỹ và sâu sắc. Tuy nhiên, để hoàn thiện hơn, các thành viên của Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến cho nhóm tác giả: cần có sự cân nhắc, sàng lọc kỹ con số 362 tiêu chuẩn được biên soạn và soát xét từ nay cho tới năm 2030; chú trọng vấn đề độ tin cậy trong kết cấu; làm rõ nguồn lực thực hiện quy hoạch. Hội đồng cũng đồng quan điểm với các tác giả - tuy định hướng cơ bản dựa trên các tiêu chuẩn của LB Nga do tính đồng bộ, tính ổn định, tính hiện đại và phù

hợp tình hình thực tế Việt Nam, chúng ta vẫn cần tham khảo thêm EuroCode. Bên cạnh đó, để hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn lĩnh vực kết cấu xây dựng đầy đủ và toàn diện hơn, cần bổ sung thêm nhiều tài liệu và tiêu chuẩn còn thiếu (thuật ngữ - định nghĩa lĩnh vực kết cấu; tải trọng nhiệt độ; tải trọng cháy - nổ; tải trọng sóng; thiết kế kết cấu gỗ, nhôm, kết cấu liên hợp...); các tiêu chuẩn chuyên ngành sâu của lĩnh vực kết cấu xây dựng (si lô; cột; tháp; tường chắn; kết cấu sử dụng bê tông cường độ cao; dầm cao; sàn phẳng; kết cấu thép dập nguội; thanh thành mỏng; dàn lưới không gian...).

Phát biểu kết luận Hội nghị, TS. Nguyễn Trung Hòa nhất trí với các nhận xét và đánh giá của các thành viên Hội đồng, đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu và giải trình cụ thể. TS. Nguyễn Trung Hòa cũng yêu cầu nhóm nghiên cứu phải đưa ra được những đề xuất cụ thể về một hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn chứ không chỉ dừng ở việc phân tích hiện trạng hệ thống. Bên cạnh đó, để hoàn thiện báo cáo Đề tài, nhóm nghiên cứu cần rà soát công tác chuyển dịch một số thuật ngữ, định nghĩa, loại bỏ một số tiêu chuẩn không liên quan, đồng thời bổ sung thêm một số tiêu chuẩn (ví dụ: tiêu chuẩn về phương pháp thử - đặc biệt lưu ý phương pháp thử và kết cấu cho công trình biển).

Đề tài được Hội đồng nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lệ Minh

Nghiệm thu Nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng chương trình và tài liệu giảng dạy về thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng”

Ngày 30/7/2014, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu Nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng chương trình và tài liệu giảng dạy về thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng”.

Phát biểu mở đầu Hội nghị, TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng cho biết: Nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng chương trình và tài liệu giảng dạy về thí nghiệm chuyên

ngành xây dựng” là một trong những nhiệm vụ thuộc Đề án trọng điểm cấp Bộ (Đề án 1511) - “Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam” được Bộ Xây dựng giao cho Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng thực hiện. Mục tiêu của nhiệm vụ này là điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng các cơ sở đào tạo thí nghiệm viên ngành Xây dựng, xây dựng tài liệu giảng dạy, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho các thí nghiệm viên.

Báo cáo Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ về các kết quả thực hiện Nhiệm vụ, ThS. Trần Hữu Quang đã trình bày tóm tắt quá trình thực hiện, nội dung các sản phẩm của nhiệm vụ. Cụ thể, các sản phẩm bao gồm: Báo cáo kết quả khảo sát tình hình đào tạo thí nghiệm viên, thuyết minh đề cương chi tiết và tài liệu kỹ thuật chỉ dẫn thí nghiệm viên chuyên ngành Xây dựng; Các tài liệu chỉ dẫn thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng, gồm 41 chuyên đề thuộc các lĩnh vực xây dựng, giao thông và các loại hình thí nghiệm. Mỗi chuyên đề bao gồm phần lý thuyết chung về các phép thử, quy trình và các bước thí nghiệm, bài tập thực hành, câu hỏi ôn tập và phụ lục các tiêu chuẩn được áp dụng.

Trên cơ sở đề cương nhiệm vụ được Bộ Xây dựng phê duyệt, nhóm nghiên cứu đã tiến hành lập phiếu điều tra và tiến hành khảo sát tại các cơ sở đào tạo thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng, phân tích thực trạng công tác đào tạo thí nghiệm viên trong 5 năm gần đây: nội dung đào tạo, giáo trình, hình thức đào tạo, hình thức cấp chứng chỉ, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất... Từ những kết quả khảo sát và phân tích số liệu, nhóm nghiên cứu đã xây dựng các đề xuất và kiến nghị các chính sách về công tác đào tạo thí nghiệm viên.

Trên cơ sở Chương trình khung về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thí nghiệm viên phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được Bộ Xây dựng ban hành tại Quyết định số 770/2010/QĐ-BXD ngày 06/8/2010, nhóm nghiên cứu đã tiến hành biên soạn các tài liệu



Toàn cảnh Hội nghị

giảng dạy và chỉ dẫn kỹ thuật thí nghiệm. Tài liệu này kết hợp với các tiêu chuẩn hiện hành về các phép thử sẽ là căn cứ để các cơ sở đào tạo tổ chức các khóa đào tạo thí nghiệm viên, để các giảng viên soạn bài giảng, sắp xếp lịch học cũng như kiểm tra, sát hạch cuối khóa để cấp chứng chỉ.

Theo đánh giá của các chuyên gia phản biện của Hội đồng, bộ tài liệu gồm 41 chuyên đề về các phép thử trong các lĩnh vực xây dựng, giao thông đã được nhóm nghiên cứu biên soạn rất công phu, đảm bảo độ tin cậy và chính xác do dựa trên các tiêu chuẩn hiện hành trong nước và nước ngoài và Chương trình khung về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho thí nghiệm viên chuyên ngành Xây dựng của Bộ Xây dựng. Tuy nhiên, các chuyên gia cũng đề nghị nhóm nghiên cứu cần cấu trúc lại nội dung chuyên đề, nâng cao thời lượng thực hành, đảm bảo cho học viên dễ học, dễ áp dụng.

Tại Hội nghị, các thành viên của Hội đồng cũng đóng góp nhiều ý kiến cụ thể với nhóm nghiên cứu về các định nghĩa thuật ngữ, bố cục tài liệu, các sai sót trong tài liệu về trích dẫn tiêu chuẩn, bảng biểu, hình vẽ, đơn vị đo lường... đồng thời nhất trí, tài liệu này sau khi được chỉnh sửa theo các ý kiến của Hội đồng sẽ là bộ giáo trình đầy đủ nhất, cập nhật nhất và rất có giá trị đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng.

Phát biểu kết luận Hội nghị, TS. Nguyễn

Trung Hòa - Chủ tịch Hội đồng đã nhất trí với các ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng, và đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu, hoàn thiện sản phẩm. Bên cạnh đó, Chủ tịch Hội đồng cũng yêu cầu nhóm nghiên cứu bổ sung số liệu và tổng hợp các kết quả khảo sát theo đúng đề cương nhiệm vụ, rà soát các tiêu chuẩn nêu trong tài liệu cho chuẩn xác về mã số và tên gọi; thống nhất cấu trúc của các chuyên đề và ghi rõ thời lượng số tiết học lý thuyết, thực hành của từng chuyên đề; phần lý thuyết phải rút gọn lại để đảm bảo thời lượng theo Chương trình khung; phần thực hành cần

biên soạn cho phù hợp với đối tượng đào tạo, thời lượng chương trình và phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành cũng như điều kiện trang thiết bị thí nghiệm hiện có, trong đó phải đưa ra được các quy trình và thao tác cụ thể, cách xử lý các tình huống có thể xảy ra trong quá trình thí nghiệm, cách xử lý số liệu và ghi chép kết quả thí nghiệm...

Nhiệm vụ đã được các thành viên Hội đồng bỏ phiếu thông qua với kết quả xếp loại Khá.

Minh Tuấn

Nghiệm thu 02 dự thảo Tiêu chuẩn về xi măng

Ngày 31/07/2014, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu 02 dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam gồm: “TCVN ...:2014: Xi măng - Phương pháp xác định hiện tượng đông cứng sớm”; và soát xét “TCVN 6017:1995: Xi măng - Phương pháp thử - xác định thời gian đông kết và độ ổn định”, do Th.S Lê Đức Thịnh và KS Nguyễn Thị Sen làm chủ nhiệm. Th.S Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của Th.S Lê Đức Thịnh, hiện nay ở Việt Nam chưa có tiêu chuẩn nào được đưa ra để đánh giá hiện tượng đông cứng sớm của xi măng, trong khi chỉ tiêu đông cứng sớm của hồ xi măng đang bắt đầu được các nhà sản xuất xi măng trong nước quan tâm, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp xuất khẩu xi măng. Trước đây, ở trong nước để quan tâm tới quá trình đông kết của xi măng, người ta thường sử dụng phương pháp thử theo TCVN 6017-1995 để theo dõi lượng nước tiêu chuẩn cũng như thời gian bắt đầu và kết thúc đông kết của hồ xi măng, qua đó cũng phần nào phát hiện được những bất thường trong quá trình đông kết của nó. Tuy nhiên, phương pháp thử này cũng có hạn chế là chưa phát hiện được mức độ bất



Toàn cảnh buổi nghiệm thu

thường nhiều hay ít, cũng như khó phân biệt rõ là đông kết giả (false set) hay đông kết tức thì (flash set). Tiêu chuẩn được xây dựng trên cơ sở tham khảo ASTM C 451-08: Standard Test Method for Early Stiffening of Hydraulic Cement (Phương pháp tiêu chuẩn thử hiện tượng đông cứng sớm của xi măng), chỉ thay đổi điều kiện nhiệt độ tiêu chuẩn là 27°C cho phù hợp với điều kiện thử nghiệm thực tế ở Việt Nam, qua các thí nghiệm mà nhóm tác giả đã tiến hành cho thấy, điều kiện nhiệt độ này là chấp nhận được.

Đối với dự thảo Tiêu chuẩn soát xét TCVN 6017:1995, nhóm tác giả cho rằng trong các tính chất kỹ thuật của xi măng thì tính ổn định

thể tích cần được xem xét trước tiên. Nó quyết định độ bền của đá xi măng đóng rắn, tạo sự bền đẹp cho công trình xây dựng. Xi măng không ổn định về thể tích, khi sử dụng vào công trình sẽ làm cho bê tông bị rạn nứt hoặc nặng hơn sẽ gây ra đổ vỡ công trình. Thời gian đông kết của xi măng cũng là một tính chất kỹ thuật có ý nghĩa lớn trong thi công xây dựng. Xi măng kết thúc đông kết quá nhanh, vừa xi măng sẽ nhanh mất tính dẻo, không có khả năng sử dụng. Ngược lại thời gian đông kết quá dài sẽ kéo dài thời gian đóng rắn của bê tông làm ảnh hưởng tới tiến độ thi công xây dựng.

Năm 1995, TCVN 6017:1995, “Xi măng - Phương pháp thử - Xác định thời gian đông kết và độ ổn định” được ban hành, tiêu chuẩn này tương đương với tiêu chuẩn ISO 9597:1989(E), tuy nhiên tiêu chuẩn này đã hết hiệu lực và đã có bản sửa đổi mới được ban hành là ISO 9597:2008. Do đó, TCVN 6017:1995 cần được soát xét, cập nhật lại một số nội dung trong tiêu chuẩn để phù hợp với tiêu chuẩn ISO hiện hành. Nhóm tác giả đã đưa ra nội dung dự kiến

sửa đổi gồm: Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn; Phòng thử nghiệm, thiết bị và vật liệu; Xác định độ dẻo tiêu chuẩn; Xác định thời gian đông kết; Xác định độ ổn định thể tích; Phụ lục A (Tham khảo) - Phương pháp thử thay thế để xác định thời gian đông kết.

Các thành viên trong Hội đồng đánh giá cao nỗ lực của các nhóm tác giả Đề tài trong việc chuyển dịch tiêu chuẩn, nghiên cứu, thử nghiệm để đưa ra dự thảo tiêu chuẩn có cấu trúc và nội dung phù hợp với yêu cầu thực tại. Tuy nhiên, cả 02 tiêu chuẩn đều cần phải chỉnh sửa lại các lỗi trình bày, thống nhất danh pháp hóa học trong tiêu chuẩn.

Chủ tịch Hội đồng Th.S Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và MT đã nhất trí với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng và đề nghị chủ nhiệm các dự thảo tiếp thu và chỉnh sửa để tiêu chuẩn sớm được ban hành.

Hội đồng nhất trí nghiệm thu 02 Dự thảo tiêu chuẩn và xếp loại Khá.

Quỳnh Anh

Nghiệm thu Nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia Ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH)

Ngày 01/8/2014, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu Nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) “Xây dựng kế hoạch và giải pháp đảm bảo an toàn nhà ở vùng ĐBSCL và Duyên hải miền Trung thích ứng với BĐKH và nước biển dâng” do Cục Quản lý nhà & thị trường bất động sản - Bộ Xây dựng chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Tại cuộc họp, thay mặt nhóm thực hiện, ông Hoàng Cao Giáp (Cục Quản lý nhà & thị trường bất động sản - Bộ Xây dựng) đã báo cáo tóm tắt nội dung thực hiện và các kết quả đạt được trong quá trình triển khai Nhiệm vụ. Theo báo



TS. Nguyễn Trung Hòa chủ trì cuộc họp

cáo, tại Việt Nam, vùng ĐBSCL và Duyên hải miền Trung là những nơi chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của BĐKH. Cùng những hậu quả nặng nề đối với sản xuất và đời sống, thiệt hại

về nhà cửa, sự hư hỏng của rất nhiều công trình xây dựng cũng là những tổn thất không nhỏ mà thiên tai bão lũ gây ra. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu, đánh giá tác động của BĐKH tới công trình nhà ở vùng ĐBSCL và Duyên hải miền Trung nhằm đề ra giải pháp bảo đảm an toàn nhà ở với tính khả thi cao là vô cùng cấp thiết. Kết quả nghiên cứu thực hiện Nhiệm vụ chính là cơ sở quan trọng để xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của ngành Xây dựng trong lĩnh vực nhà ở.

Thông qua các nghiên cứu, đánh giá đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội, đặc điểm thiên tai cũng như thực trạng nhà ở của người dân tại 02 vùng nêu trên, nhóm tác giả đã đề xuất được một số giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình nhà ở thích ứng với BĐKH và nước biển dâng; xây dựng kế hoạch và các giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn nhà ở đối với từng vùng. Vùng ĐBSCL thường chịu nhiều lũ lụt, giông lốc, triều cường. Do địa hình trũng thấp nên hàng năm khi lũ về sẽ gây ngập sâu trong thời gian dài (mỗi năm từ 3 - 4 tháng) rất dễ làm sập đổ, hư hỏng nhà ở, hoặc nhà bị nước lũ cuốn trôi. Từ đó nhóm tác giả đề xuất một số mô hình đảm bảo an toàn nhà ở áp dụng cho vùng ĐBSCL: tôn cao nền; làm nhà ở trên cọc; làm nhà nổi; đắp bờ bao khu dân cư để bảo vệ nhà ở; tôn nền cụm - tuyến dân cư vượt lũ để xây dựng nhà ở. Vùng Duyên hải miền Trung có đặc điểm khí hậu khắc nghiệt, nhiều lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất, bão tố, lốc, lũ ống, lũ quét. Do địa hình dốc, các sông đều ngắn nên lũ lụt ở đây thường có cường độ mạnh, tuy nhiên thời gian ngập lụt ngắn (chỉ kéo dài khoảng 01 tuần). Căn cứ vào các đặc điểm này, nhóm tác giả đã đề xuất một số mô hình nâng cao điều kiện an toàn nhà ở trong vùng như: tôn nền; làm bè nổi; làm gác lửng; xây dựng nhà ở kiên cố phòng tránh bão lụt; xây dựng các công trình công cộng như trụ sở làm việc, các công trình y tế - giáo dục - văn hóa kết hợp chức năng phòng chống bão lụt để di dời hộ dân đến tạm

trú trong thời gian có bão lụt; xây dựng nhà cộng đồng tại các cụm dân cư, thôn, bản để di dời hộ dân đến ở trong trường hợp khẩn cấp khi có bão lụt xảy ra.

Trong Nhiệm vụ, nhóm tác giả đã phân tích đánh giá các ưu điểm, nhược điểm của từng mô hình, kiến nghị lựa chọn mô hình phù hợp, có tính khả thi cao đối với từng vùng; đề xuất cơ chế chính sách thực hiện các giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn nhà ở; các biện pháp triển khai thí điểm giải pháp kỹ thuật (biên soạn văn bản, tài liệu hướng dẫn; tổ chức tập huấn hướng dẫn triển khai thí điểm; nhận xét - đánh giá kết quả...), và phương án triển khai nhân rộng.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều chung nhận xét: Nhiệm vụ đã được nhóm tác giả thực hiện rất công phu, bài bản. Bên cạnh đó, Hội đồng cũng đóng góp một số ý kiến về cách bố cục; cập nhật số liệu; nghiên cứu thêm hướng dẫn tạo không gian kiến trúc đẹp hơn, mô hình tránh bão lũ sinh động hơn. Đặc biệt, nhóm tác giả cần chú trọng tới hạ tầng kỹ thuật vì đây là vấn đề cốt yếu đảm bảo an toàn cho nhà ở. Những mô hình đảm bảo an toàn nhà ở mà nhóm tác giả đưa ra tuy đã có sự phân tích khá kỹ hiện trạng cũng như tập quán dân cư của từng vùng, song cần dựa trên sự phân tích, đánh giá một cách toàn diện những tác động của BĐKH & nước biển dâng đối với nhà ở của người dân tại từng vùng cụ thể. Đại diện Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia (VIUP), đại diện Vụ KHCN & Môi trường - Bộ Xây dựng đều cho rằng: Xu thế biến đổi của nhiệt độ và lượng mưa là rất khác nhau trên các vùng. Chẳng hạn, trong vòng 50 năm qua, nhiệt độ trung bình năm tăng khoảng 0,5°C trên phạm vi cả nước; lượng mưa có xu hướng giảm ở phía Bắc và tăng mạnh ở phía Nam. Xu thế tăng mực nước biển trong những năm tới đây cũng mạnh hơn, thể hiện rõ hơn tại khu vực ven biển Trung Trung bộ và Tây Nam bộ. Những vấn đề này nhóm tác giả cần nghiên cứu kỹ để đưa ra những giải pháp thích hợp nhất,

phù hợp cả về mặt kinh tế, điều kiện hạ tầng của từng địa phương.

Nhất trí với các ý kiến của các chuyên gia và các thành viên của Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Trung Hòa đề nghị nhóm thực hiện khẩn trương nghiên cứu bổ sung và cập nhật một số dữ liệu, bản đồ; tập trung phân tích đánh giá ảnh hưởng của BĐKH đối với nhà ở trên cơ sở nội dung cơ bản là kịch bản BĐKH mức trung bình do Bộ Tài nguyên & Môi trường công bố. Về giải pháp kỹ thuật, TS. Nguyễn Trung Hòa lưu ý cần phải gắn vấn đề này với hạ tầng

và quy hoạch, nhằm đưa ra được bức tranh tổng quát, toàn diện, tạo căn cứ cho những đề xuất và kiến nghị phù hợp. Nhóm cũng cần bổ sung thêm phụ lục phiếu kết quả điều tra khảo sát, và hoàn thiện báo cáo cùng giải trình tiếp thu các ý kiến trước tháng 9/2014.

Với các nhận xét và đánh giá trên, Nhiệm vụ đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và bỏ phiếu xếp loại Khá.

Lệ Minh

Nghiệm thu Nhiệm vụ: Điều tra đánh giá hiện trạng và đề xuất chương trình phát triển tái chế chất thải rắn sinh hoạt nông thôn

Ngày 07/8/2014, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Điều tra đánh giá hiện trạng và đề xuất chương trình phát triển tái chế chất thải rắn sinh hoạt nông thôn (CTRSHNT)” do Hiệp hội Công nghiệp môi trường Việt Nam thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của nhóm tác giả, tính đến tháng 7/2012, tổng lượng CTRSH phát sinh tại các khu dân cư nông thôn ước tính xấp xỉ 30 tấn/ngày. Sự gia tăng CTRSHNT đang tiềm ẩn các mối đe dọa đến môi trường. Một trong những phương pháp xử lý CTR ưu việt là tái chế, vì tái chế chất thải góp phần tạo ra các giá trị có ý nghĩa về mặt kinh tế xã hội và môi trường. Tại Việt Nam, cùng với các chính sách xây dựng nông thôn mới, hoạt động tái chế CTRSHNT trong thời gian gần đây đã nhận được sự quan tâm lớn từ các Bộ, ngành, các đơn vị nghiên cứu và các doanh nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động này mới chỉ dừng ở quy mô nhỏ, kém bền vững; nhiều vướng mắc về nguyên liệu, công nghệ, nhân lực, tài chính, đầu



Chủ tịch Hội đồng Nghiệm thu - TS. Nguyễn Trung Hòa chủ trì cuộc họp

ra cho sản phẩm còn tồn tại. Đặc biệt, hệ thống cơ chế chính sách hiện hành chưa thực sự tạo động lực và sức bật phát triển lĩnh vực này. Tháo gỡ các khó khăn vướng mắc nêu trên thực sự là một nhiệm vụ cấp thiết và hết sức ý nghĩa.

Với mục tiêu đánh giá hiện trạng tái chế CTRSHNT và nhận diện các bất cập trong các hoạt động có liên quan, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, chính sách và chương trình phát triển tái chế CTRSHNT, góp phần vào sự phát triển bền vững nông thôn Việt Nam; nhóm tác giả đã tiến hành nghiên cứu trên phạm vi 10 tỉnh thành cả nước theo 03 nội dung cơ bản:

tổng quan chung về tái chế CTRSHNT; đánh giá hiện trạng tái chế CTRSHNT Việt Nam và đề xuất các chương trình tái chế CTRSHNT.

Điều tra về tình hình phân loại, thu gom và vận chuyển CTRSHNT, các tác giả nhận thấy: Hiện nay, hoạt động phân loại CTRSHNT thu hút nhiều bên tham gia, từ người dân, những người nhặt rác tự do đến các tổ chức, đơn vị môi trường. CTRSHNT được phân loại và tận dụng qua nhiều khâu bắt đầu từ hộ gia đình, đến các bãi tập kết và bãi rác tập trung. Sự tham gia của các đơn vị môi trường có năng lực chủ yếu tập trung ở một số công đoạn cuối, từ các bãi tập trung đến khu vực xử lý. Do vậy, trước khi đưa vào nhà máy, CTRSHNT đã giảm sút nhiều về số lượng và kém về chất lượng. Hơn nữa, tại nhiều nhà máy, việc phân loại mang nặng tính thủ công, khó phân loại triệt để rác vô cơ và hữu cơ. Nguồn nguyên liệu hạn chế do phân loại kém dẫn đến việc xử lý tái chế CTRSHNT khó đạt hiệu quả cao. Xác định nguyên nhân do nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho hoạt động này còn eo hẹp, đầu tư trang thiết bị thu gom vận chuyển và xử lý còn thấp, ý thức của người dân chưa cao, thiếu các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân tham gia hoạt động; nhóm tác giả đề xuất những mô hình quản lý tổng hợp CTRSHNT theo hướng gắn kết chặt chẽ hơn giữa các khâu thu gom, vận chuyển và xử lý tái chế CTRSHNT.

Điều tra về thực trạng công nghệ xử lý và tái chế CTRSHNT tại Việt Nam, các tác giả cho biết: Công nghệ tái chế CTRSH thành phần compost đã có từ những năm 90 (công nghệ Dano System Đan Mạch, công nghệ chế biến rác thải tại nhà máy Cầu Diễn Hà Nội, công nghệ MBT-CD.08, công nghệ Seraphin...). Các loại công nghệ này chủ yếu áp dụng cho CTRSH đô thị. Một phần nhỏ CTRSHNT ở các khu vực ven đô được xử lý theo các công nghệ này, do vậy trên thực tế, công nghệ tái chế CTRSHNT chưa phát triển hoàn chỉnh. Trên cơ

sở đó, các tác giả đề xuất hướng nghiên cứu và áp dụng tổ hợp chế biến CTRSH - tập hợp nhiều kỹ thuật công nghệ, đốt và tái chế, gắn với phân loại tại chỗ. Với ưu điểm là chi phí đầu tư thấp, dễ lắp đặt, vận chuyển và vận hành, công nghệ được đánh giá phù hợp với nguồn lực và điều kiện kinh tế xã hội của đa phần các vùng nông thôn Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Các tác giả cũng dẫn chứng một số kinh nghiệm của các nước như Nhật Bản, Malaysia, Trung Quốc... trong lĩnh vực liên quan.

Dựa trên các kết quả điều tra, nghiên cứu, nhóm tác giả đã đúc kết được một số kết luận rất quan trọng - lĩnh vực tái chế CTRSHNT trên thực tế đang chưa được khai thông cả đầu vào (nguyên liệu, vốn, lao động, công nghệ) và đầu ra cho sản phẩm. Qua đó, đưa ra các kiến nghị: phát triển nguồn nguyên liệu có chất lượng trên cơ sở đẩy mạnh hoạt động phân loại, thu gom vận chuyển CTRSHNT theo hướng bền vững, có hệ thống, được kiểm soát chặt chẽ; phát triển công nghệ tái chế CTRSHNT ưu tiên ứng dụng các công nghệ phù hợp; thu hút đa dạng hóa đầu tư, tăng cường đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực này; tạo lập thị trường và kích cầu thị trường sản phẩm tái chế; khuyến khích sự tham gia của các hiệp hội, đoàn thể, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

Các kiến nghị đề xuất đưa ra trong Nhiệm vụ được kỳ vọng phần nào hỗ trợ các cơ quan quản lý đưa ra những quyết định và hành động phù hợp về mặt quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tái chế chất thải nói chung và CTRSHNT nói riêng. Qua đó, giải quyết nguồn tài nguyên chất thải gây ô nhiễm môi trường, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho các doanh nghiệp/ đơn vị tái chế.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính thực tiễn và hàm lượng khoa học của Nhiệm vụ. Các thành viên

Hội đồng cũng đóng góp một số ý kiến về bố cục (nên cô đọng hơn); về các nội dung - nhất là phần điều tra đánh giá hiện trạng về tái chế CTRSHNT; về từ ngữ chuyên môn; nguồn trích dẫn của tài liệu, số liệu viện dẫn để tăng độ tin cậy của thông tin... và cùng nhận xét: Đề tài sau khi bổ sung, chỉnh sửa sẽ đáp ứng tốt mục tiêu đề ra, có giá trị và tính khả thi cao.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa hoàn toàn nhất trí với các ý kiến phản biện và những ý kiến đóng góp của thành viên Hội đồng; lưu ý nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến, tập trung hơn vào các phần phân tích thành phần CTR, số lượng phát sinh, phương pháp thu gom và xử lý, như vậy các

kiến nghị mô hình thu gom xử lý đưa ra sẽ thuyết phục hơn; bổ sung thêm nghiên cứu đặc điểm các vùng nông thôn (vùng nông thôn ven biển, đồng bằng, khu vực nông thôn miền núi...) để đưa ra các mô hình và giải pháp phù hợp; tập trung nghiên cứu đánh giá những vấn đề liên quan tới phí và chi phí, đóng góp của người dân, các cơ chế chính sách đối với công tác thu gom và xử lý CTRSHNT... để báo cáo hoàn chỉnh.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

Tấm bọt xốp polystyrene - vật liệu giữ nhiệt tổng hợp cho sàn, móng, tường và mái nhà

Nhiệm vụ của mỗi nhà xây dựng chuyên nghiệp là xây dựng những ngôi nhà về mùa đông gia chủ cảm thấy ấm áp, về mùa hè mát mẻ, và quanh năm ngôi nhà đó tiện nghi, ấm cúng. Vai trò chủ yếu trong việc điều chỉnh chế độ nhiệt do các vật liệu giữ nhiệt quyết định - những vật liệu mà ngày nay có thể đáp ứng các yêu cầu chống ẩm, tuổi thọ và sinh thái. Các yếu tố khác như giá thành, sự tiện ích khi sử dụng các loại vật liệu đó cũng rất quan trọng.

Một trong những vật liệu giữ nhiệt hiện đại đáp ứng được những yêu cầu nghiêm ngặt nhất của ngành Xây dựng hiện nay là tấm bọt xốp polystyrene. Khác với các vật liệu giữ nhiệt khác, tấm bọt xốp có tính cách nhiệt rất cao, ít thấm nước, giá cả hợp lý, và lắp ghép đơn giản do trọng lượng nhẹ.

Bọt xốp polystyrene được coi là loại vật liệu tổng hợp bởi được sử dụng trong đại bộ phận kết cấu xây dựng. Các tấm xốp có độ dày khác nhau, mác khác nhau được ứng dụng làm tường, mái, sàn nhà, và ứng dụng tại những vùng khí hậu khác nhau. Như vậy, đối với móng, hoặc sàn nhà trên mặt đất cần ứng dụng

các vật liệu giữ nhiệt có khả năng chịu tải cao - tính chất này có ở các tấm bọt xốp polystyrene mác cao hơn 25T. Ví dụ: đối với các bản móng, độ dày tối ưu của vật liệu là 200 mm, và mác tối ưu 35T (tùy vào kết cấu của ngôi nhà trong tương lai).

Sàn giữ nhiệt trên mặt đất

Để giữ nhiệt nền đất cho mỗi ngôi nhà bằng tấm bọt xốp polystyrene, nhiều công nghệ khác nhau được ứng dụng. Trong quá trình lắp ghép sàn giữ nhiệt (các căn biệt thự hiện đại thường sở hữu kiểu sàn này), đất bên dưới sàn sẽ được san phẳng và đầm chặt; đá dăm và cát nén sẽ được rải đều lên trên. Tùy thuộc vào mức nước trong đất, các thợ xây sẽ dùng băng polyetylen hoặc vật liệu chống thấm khác, trên lớp này là các tấm bọt xốp polystyrene. Bên trên các tấm xốp là lớp vữa lót có cốt là lưới thép hoặc cốt chịu lực. Như vậy, tấm bọt xốp đã tiếp nhận tải trọng từ trọng lượng của lớp vữa lót, và bị nén chặt. Sau khi lớp vữa được làm khô, vật liệu sẽ bị ép chặt giữa lớp vữa và mặt đất. Và như thế, vật liệu sẽ được bảo vệ khỏi những tác động bên ngoài, đồng thời vẫn duy trì tính cách nhiệt

trong một khoảng thời gian kéo dài hàng chục năm. Kiểu sàn này bảo đảm tính cách âm tuyệt vời, bởi vì do không có các khoang, hốc phía dưới sàn nhà, âm thanh không thể cộng hưởng mà ngược lại tắt dần.

Ngoài ra, bên trong lớp vữa lót có đặt cốt, các đường ống dẫn nhiệt được lắp đặt một cách hợp lý giúp sưởi ấm lớp vữa lót, còn tấm bọt xốp polystyrene sẽ giúp lưu giữ dòng nhiệt, đồng thời bảo vệ toàn bộ kết cấu sàn khỏi nhiệt độ rất thấp của mặt đất. Lớp phủ trên cùng của sàn nhà có thể là gạch ceramic, ván gỗ... tùy vào chức năng cũng như tính thẩm mỹ của công trình.

Sàn giữ nhiệt trên đà (dầm gỗ)

Tấm bọt xốp polystyrene còn được ứng dụng trong công nghệ xây sàn nhà trên đà. Kiểu sàn này thường xuất hiện trong xây các nhà khung và nhà gỗ. Để đảm bảo các điều kiện tiện nghi tối ưu cho sinh hoạt quanh năm tại những ngôi nhà dạng này, sàn nhà luôn cần các chỉ số kháng nhiệt cao. Giải pháp dầm gỗ được coi là tối ưu đối với những ngôi nhà có móng cọc, vì hệ thống dầm gỗ có vai trò chịu lực, đồng thời là nền và là “khung xương” để lắp ghép các vật liệu giữ nhiệt cần thiết.

Sàn nhà gối lên dầm đỡ như thế nào? Phía dưới mỗi thanh dầm, một tấm ván hoặc vật liệu hình thức tương tự sẽ được gắn chắc. Tiếp theo, giữa các thanh dầm, vật liệu giữ nhiệt sẽ được bố trí - tấm bọt xốp polystyrene được đặt trực tiếp xuống tấm ván lót dưới thanh dầm. Để giữa các thanh dầm và tấm bọt xốp không còn khoang hay hốc, vị trí tiếp giáp của vật liệu được bít kín. Lớp vật liệu chống thấm được phủ phía trên vật liệu giữ nhiệt, đi vào tường; bên trên lớp này chính là lớp phủ bề mặt sàn.

Móng nông (móng bản)

Tấm bọt xốp polystyrene cũng được ứng dụng trong móng nông đối với các nhà thấp tầng - kết cấu này cách nhiệt tuyệt đối từ mặt đất, và được bảo vệ khỏi các tác động nhiệt từ bên ngoài, với một hệ thống tiêu nước được bố

trí bên dưới móng.

Một trong những ưu điểm của kết cấu này là đất phía dưới bản móng không bị đông kết, do đó tránh được hiện tượng đất trương nở và trượt móng. Theo tính toán của các nhà xây dựng Nga và châu Âu, kết cấu như vậy cho một hiệu quả năng lượng bất ngờ với những chỉ số sinh thái và kinh tế tối ưu, đáp ứng những yêu cầu cần thiết để xây những công trình nhà ở thấp tầng (kết cấu nhẹ).

Sau khi đào hố móng, các nhà xây dựng sẽ thiết kế hệ thống tiêu nước và lớp đệm (san bằng hố móng bằng cát, dăm, vữa cát - sỏi). Bên trên lớp đệm này là các tấm bọt xốp polystyrene. Công việc lắp ghép các tấm này được tiến hành theo chiều ngang toàn bộ diện tích, và theo chiều thẳng đứng trên toàn bộ các bản móng. Giai đoạn tiếp theo là đặt cốt và tiến hành các bước tiếp như xây móng thông thường. Các bản móng sẽ tích tụ nhiệt rất tốt, và thực hiện chức năng như những thiết bị trao đổi nhiệt, duy trì sự cân bằng nhiệt trong toàn bộ ngôi nhà.

Bọt xốp polystyrene khác với các vật liệu giữ nhiệt có thành phần sợi bazan và sợi thủy tinh ở chỗ hoàn toàn phù hợp với các yêu cầu về khả năng chịu lực. Một đặc tính ưu việt khác của các tấm bọt xốp là qua một thời gian dài, tính cách nhiệt của vật liệu chỉ giảm sút ở mức tối thiểu. Điều này không chỉ được kiểm chứng trong các phòng thí nghiệm mà còn được khẳng định trên thực tế.

Giá thành vật liệu cũng là một yếu tố quan trọng. Tấm bọt xốp polystyrene tương đối rẻ, hơn nữa khá đơn giản trong việc lắp ghép, do đó đảm bảo chất lượng và thời hạn thi công. Chính vì thế, hiện nay, ngày càng xuất hiện nhiều ngôi nhà được xây dựng bằng loại vật liệu giữ nhiệt này. Những công trình đó trong thực tiễn xây dựng Nga được đánh giá cao không chỉ về kết cấu công nghệ bền vững, mà cả về các đặc tính kỹ thuật nhiệt. Theo ông Iuri Savkin - Giám đốc Hiệp hội các nhà sản xuất và cung

cấp tấm bọt xốp polystyrene (Nga): Trong các loại vật liệu cách nhiệt trên thị trường xây dựng hiện nay, tấm bọt xốp polystyrene tập hợp đầy đủ các tính chất thiết yếu về cách nhiệt đối với móng và sàn nhà - nhẹ, độ bền cao, tính cách nhiệt tốt, ít thấm nước, và giá cả hợp lý. Ứng dụng tấm bọt xốp polystyrene trong kết cấu sàn nhà có thể đảm bảo an toàn cháy, và thiết kế được một "sàn nhà ấm áp", mang lại hiệu quả cao về mặt năng lượng. Trong quá trình xây dựng, lượng vữa lót cát - xi măng bán khô cho 01 m² sàn có sử dụng tấm bọt xốp là 7,5 kg; sử dụng bông khoáng là 40 kg; sử dụng đất sét rải là 70 kg; sử dụng sỏi và cát rải là 350 kg. Đây là những con số đáng suy nghĩ và lựa chọn.

Một lĩnh vực nữa mà tấm bọt xốp poly-

styrene được ứng dụng cũng rất hiệu quả. Tại CHLB Đức trong xây nhà liền khối, 20% vật liệu làm mái là tấm bọt xốp này. Mái nhà sử dụng tấm bọt xốp không những giúp tiết kiệm bê tông, bảo đảm cường độ kết cấu, mà còn gia tăng tính cách âm, bảo vệ công trình khỏi tiếng ồn. Kinh nghiệm ứng dụng tấm bọt xốp polystyrene vào kết cấu mái nhà rất cần được các nhà xây dựng Nga nghiên cứu học hỏi, vì tại Nga hiện nay, kết cấu này chưa có mặt trên thị trường xây dựng.

A.Dudin

Nguồn: Tạp chí Vật liệu, Thiết bị & Công nghệ Xây dựng thế kỷ XXI (Nga) tháng 3/2014

ND: Lê Minh

Phát triển năng lượng tái tạo - Sự đóng góp quan trọng cho việc bảo vệ môi trường

Các công trình sản xuất năng lượng sử dụng nhiên liệu hữu cơ gây hại đáng kể cho môi trường do sự ô nhiễm nảy sinh từ các yếu tố tạo nên loại nhiên liệu này. Lĩnh vực nhiên liệu - năng lượng của nước Nga hiện nay có trên 6 triệu tổ hợp công trình công nghiệp, cung cấp nhiên liệu và điện năng. Hàng năm, các tổ hợp đó thải ra trên 60 triệu tấn chất thải rắn, trong đó trên 22% từ các tổ hợp công trình nhiên liệu - năng lượng. Lượng chất thải đó chứa tới 4,5 triệu tấn tro, trên 7,2 triệu tấn khí SO₃ và khoảng 2,6 triệu tấn oxit ni tơ. Không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi sản phẩm của quá trình đốt cháy nhiên liệu; quá trình cháy tạo ra các chất độc hại có khả năng gây ung thư và các kim loại nặng. Hàm lượng chất gây độc hại cao hơn mức cho phép 50 - 60 lần. Không khí bị ô nhiễm khiến sức khỏe con người giảm sút, và gây hại cho cả động vật và thực vật.

Các chỉ tiêu về sự tác động tiêu cực của nhà máy điện lên môi trường cho thấy nhà máy điện sử dụng than và dầu ma dút gây hại nhiều nhất

cho môi trường. Trong đó, khối lượng chất thải độc hại mà các nhà máy điện loại này thải vào không khí tương ứng là 20 - 25 kg/(MW.h) và 10 - 15 kg/(MW.h).

Với mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải của các nhà máy điện, nhiều nước phát triển tại châu Âu đã phê duyệt và triển khai thực hiện thành công các chương trình năng lượng nhằm giảm sử dụng nhiên liệu hữu cơ trong sản xuất nhiệt và điện. Chương trình Quốc gia Phát triển năng lượng của Đan Mạch đề xuất đến năm 2035 ngừng việc sử dụng nhiên liệu hữu cơ nguy hại sinh thái trong các cơ sở sản xuất năng lượng và chuyển sang sản xuất điện chỉ bằng các nguồn năng lượng tái tạo sạch sinh thái.

Tại cuộc gặp giữa đoàn đại biểu tỉnh Samara (LB Nga) với đại diện Bộ Khí hậu, Năng lượng và Xây dựng Đan Mạch tại Coopenhaghen tháng 5/2013, phía Đan Mạch đã giới thiệu Kế hoạch năng lượng của Đan Mạch. Ngày nay, Đan Mạch là nước đi đầu

trong lĩnh vực chế tạo và sử dụng trạm phát điện gió (sau đây viết là TPĐG). Tổng công suất điện do các TPĐG sản xuất đạt gần 20%.

Trong Kế hoạch năng lượng của nước này, chỉ tiêu trên được tăng hơn 2 lần, trong đó phần lớn lượng điện năng dự tính được sản xuất bằng các TPĐG truyền thống công suất lớn kiểu thẳng hàng (Hình 1). TPĐG này đạt công suất phát điện bằng 0,2 - 2 MW hoặc lớn hơn. Cùng với việc chế tạo loại TPĐG nêu trên, các nghiên cứu và thiết kế đang được tích cực triển khai nhằm chế tạo loại TPĐG công suất nhỏ từ 20 đến 30 KW được trang bị hệ thống tự quay thay đổi hướng cho tương thích với hướng gió thổi (Hình 2). Các thiết bị phát điện gió (TBPĐG) công suất nhỏ đáp ứng được nhu cầu lắp đặt tại các vị trí gần với những người tiêu thụ điện tư nhân có mức tiêu thụ thấp và bảo đảm khả năng



Hình 1: Tổ hợp phát điện gió kiểu thẳng hàng

Trong bối cảnh hiện nay tại nước Nga sản lượng điện và mức tiêu thụ điện được sản xuất từ các nguồn năng lượng không tái tạo tính trong tổng mức năng lượng tiêu thụ là 85%, còn từ các nguồn năng lượng tái tạo chỉ bằng 14% (con số này đã tính cả nguồn thủy điện). Tình trạng trên trong tiêu thụ năng lượng nảy sinh từ hàng loạt các nguyên nhân khách quan. Trong số đó, giá dầu tương đối thấp và nhà máy nhiệt điện đạt hiệu quả kinh tế cao trong quá trình sản xuất điện,... giữ vai trò quan trọng.

Có thể khẳng định rằng tương lai của ngành

tiêu thụ điện độc lập. Ngoài ra, Đan Mạch đang thực hiện chương trình quốc gia khuyến khích và hỗ trợ phát triển các TPĐG loại nhỏ và TPĐG mini, kể cả việc lắp đặt TBPĐG riêng cung cấp điện cho một số hộ gia đình sống gần nhau.

Đặc điểm của các TPĐG loại nhỏ kiểu trực tuyến (Hình 2) là cánh quạt của bánh xe công tác quay theo hướng vuông góc với hướng gió thổi. TBPĐG loại nhỏ kiểu này có thể lắp đặt trực tiếp trên mái nhà do trong quá trình hoạt động, TBPĐG kiểu này hầu như không gây ra tải trọng động lên mái nhà theo phương thẳng đứng. Thêm vào đó, việc lắp đặt TBPĐG này chỉ tạo ra tải trọng bổ sung rất vừa phải tác dụng lên các bộ phận của kết cấu mái. Ngược lại, các công trình được thiết kế mới kể cả nhà ở trong tương lai cần được xem như công trình có tiềm năng bố trí TBPĐG trên mái nhà.



Hình 2: Tổ hợp phát điện gió kiểu trực tuyến

năng lượng thuộc về điện gió do phát điện gió rất ít gây hại cho môi trường và cung cấp năng lượng an toàn sinh thái.

Các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xây dựng các giải pháp kết cấu hiệu quả trong xây dựng công trình năng lượng và sử dụng thiết bị năng lượng của ngành năng lượng tái tạo đang được triển khai tích cực tại nhiều tổ chức ở LB Nga; trong đó, phải kể đến bộ môn Xây dựng công trình bảo vệ thiên nhiên và Thủy công thuộc Trường đại học kỹ thuật tổng hợp kiến trúc - xây dựng Samara. Các nhà khoa học của

Bộ môn đang giải quyết vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng trạm phát điện thủy lực (nhà máy thủy điện và nhà máy thủy điện tích nước) và TBPĐG kể cả tổ hợp phát điện được hình thành trên cơ sở của các loại trạm phát điện nêu trên. Các phương pháp xác định hiệu quả kinh tế của các loại trạm phát điện này cũng đang được nghiên cứu; có tính đến sự tác động của trạm phát điện lên môi trường, xây dựng cơ sở luận chứng và tối ưu hoá các thông số cơ bản, các giải pháp kỹ thuật tiên tiến đối với các bộ phận của nhà máy và nâng cao mức độ an toàn sinh thái của các nhà máy điện.

Thực tế cho thấy tại vùng Trung Povolzhie, việc sử dụng năng lượng gió là rất hợp lý, mặc dù tiềm năng năng lượng gió của vùng chỉ vào loại trung bình của khu vực. Hiệu quả của các tổ hợp thiết bị năng lượng gió được xem là còn có thể nâng cao hơn nữa thông qua hoàn thiện cấu tạo thiết bị do tổ hợp TBPĐG với các đặc tính năng lượng được hoàn thiện hơn, khả năng làm việc hiệu quả ngay cả với gió có vận tốc thấp, ví dụ, sử dụng thiết bị tập trung luồng gió. Trong các giải pháp kỹ thuật do các tác giả đề xuất, thiết bị tập trung luồng gió gồm có 2 phần: Bộ phận tập trung gió được đặt trước bánh xe gió và bộ phận khuếch tán gió được đặt phía sau bánh xe gió. Việc điều chỉnh tác động của luồng gió được tự động hoá với sự hỗ trợ của con quay gió. Hiệu quả tích cực thu được từ việc áp dụng các giải pháp nêu trên là tăng áp lực tác dụng lên bánh xe gió, qua đó tăng vận tốc của luồng không khí tại khu vực cánh quạt của bánh xe gió, nâng cao hệ số sử dụng năng lượng gió và công suất sản xuất năng lượng.

Các giải pháp kỹ thuật được nghiên cứu và đề xuất đối với kết cấu của tổ hợp TBPĐG bảo đảm nâng cao hiệu quả hoạt động trong điều kiện vận tốc gió nhỏ. Lúc này, các TBPĐG hoạt động với vận tốc lớn được lắp thêm rô to phụ (cánh quạt Savonius); rô to phụ sẽ được đưa vào hoạt động khi gió có vận tốc nhỏ giúp bảo đảm khai thác có hiệu quả đối với gió có tiềm

năng năng lượng thấp. Trong điều kiện gió có vận tốc lớn, tổ hợp thiết bị hoạt động thông qua tác động của gió lên các biên dạng khí động lực học của hệ thống cánh quạt. Việc sử dụng bánh xe gió gồm có 2 kiểu là bánh xe gió quay chậm bảo đảm duy trì sự hoạt động của thiết bị trong điều kiện vận tốc gió nhỏ và bánh xe gió quay nhanh hoạt động hiệu quả trong điều kiện vận tốc gió lớn, cho phép nâng cao hệ số sử dụng năng lượng của luồng gió và tăng sản lượng năng lượng hữu ích do thiết bị sản xuất ra.

Các nghiên cứu tiến hành trong phòng thí nghiệm nhằm tìm các giải pháp kỹ thuật cho TBPĐG khẳng định sự hợp lý của việc sử dụng bộ phận tập trung luồng gió. Ngoài ra, việc tính toán công suất phát điện của TBPĐG được lắp đặt bộ phận tập trung luồng gió cho thấy: Với công suất 250 KW, các TBPĐG nêu trên cho phép tăng sản lượng điện hàng năm lên 6 lần, trong đó hệ số sử dụng công suất tăng và đạt đến 45 - 55%.

Tuy nhiên, lưu ý rằng thiết bị năng lượng sử dụng nguồn năng lượng tái tạo cũng gây tác động tiêu cực lên môi trường dù sự ảnh hưởng đó diễn ra trên mặt bằng khác, và các nguồn năng lượng tái tạo không gây ô nhiễm bầu không khí. Yếu tố tiêu cực của các trạm thủy điện là gây ngập lụt và ngập nước tại các khu vực lãnh thổ do hình thành hồ thủy điện. Một số tác động không thuận lợi khác cũng đã nảy sinh và được xếp vào loại tác động cấp hai. Đó là hiện tượng xói mòn bờ do sóng nước hình thành từ gió và tình trạng ô nhiễm các công trình nước bởi các loại sản phẩm bắt nguồn từ các hoạt động sản xuất của con người do hiện tượng nước sông dâng cao. Với mục tiêu giảm nhẹ ảnh hưởng tiêu cực của các tác động nêu trên, chúng ta có thể áp dụng nhiều biện pháp bảo vệ về mặt kỹ thuật khác nhau. Trong đó, cần quan tâm phương pháp bảo vệ công trình nước mà vì nguyên nhân nào đó đã xảy ra tình trạng mức nước tăng cao và chống ô nhiễm do sự tích tụ các chất thải có nguồn gốc kỹ thuật và không

gây ô nhiễm tại khu vực bờ nghiêng.

Chúng ta cần lưu ý đến một yếu tố tích cực rất quan trọng xuất hiện sau khi xây dựng nhà máy thủy điện. Điều đó đặc biệt cấp thiết trong giai đoạn hiện nay do thời gian qua đã xảy ra nhiều thảm họa mà nguyên nhân là sự tác động bất thường tự nhiên của nước. Đó là hiện tượng ngập lụt nảy sinh từ sự tác động của các hiện tượng thiên nhiên như mưa cường độ cao kéo dài hoặc tác động của gió làm nước biển tràn bờ. Trong đó, phải kể đến các trận lụt xảy ra vào năm 2013 do mưa kéo dài như các trận lụt xảy ra vào tháng 6 tại Áo, Đức, Séc,... vào tháng 8 và 9 tại phía Bắc Trung Quốc, vào tháng 10 tại Campuchia. Tình trạng ngập lụt trên các khu vực lãnh thổ rộng và các khu vực dân cư rộng lớn tại các vùng Amur và Khabarov (LB Nga) đã gây lo ngại cho người dân. Xây dựng nhà máy thủy điện và hồ chứa nước có vai trò rất quan trọng trong việc tích nước, trong việc giảm mức nước dâng trong các con sông và từ đó, góp phần bảo vệ các điểm dân cư được xây dựng tại những nơi tương đối thấp. Tại các khu vực lãnh thổ đã hoàn thành việc xây dựng và trong quá trình lập quy hoạch xây dựng các khu vực có nguy cơ ngập lụt, chúng ta cần phải kịp thời nghiên cứu các mối nguy cơ đó. Trong đó, quan trọng là phải tính đến các điều kiện cụ thể có khả năng bảo vệ cho khu vực lãnh thổ, kể cả việc xây dựng các giải pháp kỹ

thuật công trình bổ sung nhằm phòng ngừa tác động tiêu cực do môi trường nước gây ra.

Kết luận

1. Nhà máy điện sử dụng nhiên liệu hữu cơ gây ô nhiễm đáng kể cho môi trường do đặc tính gây ô nhiễm từ các yếu tố cấu tạo của nhiên liệu. Ô nhiễm không khí do các sản phẩm của quá trình cháy nhiên liệu đặc biệt nguy hại, vì quá trình này hình thành các chất độc hại có khả năng gây bệnh ung thư và các kim loại nặng độc hại.

2. Sự lựa chọn đối với lĩnh vực năng lượng hiện nay là sử dụng thiết bị sản xuất năng lượng dựa trên các nguồn năng lượng tái tạo sinh thái và không gây ô nhiễm không khí. Các chương trình phát triển năng lượng được các nước châu Âu thông qua đã khẳng định tầm quan trọng của việc phát triển năng lượng tái tạo.

3. Trường Đại học Kỹ thuật tổng hợp Kiến trúc và Xây dựng Samara đã và đang triển khai thực hiện công tác nghiên cứu khoa học hướng tới việc sử dụng các loại thiết bị sản xuất năng lượng bảo đảm nâng cao an toàn sinh thái dựa trên việc sử dụng năng lượng tái tạo.

M. I. Bazannikov, S.V. Evdokimov
và **Yu.M. Galitskova**

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Nga, số 3/2014

ND: Huỳnh Phước

Máy xử lý rác thải thực phẩm tại Trung Quốc: Con đường quan trọng và cần bản giải quyết vấn đề rác thải đô thị

Xử lý rác thải sinh hoạt đô thị là nội dung quan trọng trong quản lý đô thị và xây dựng toàn diện xã hội ấm no, là tiêu chí quan trọng thể hiện mức độ văn minh xã hội đồng thời liên quan tới lợi ích thiết thực của quần chúng nhân dân. Kể từ khi cải cách mở cửa, việc xử lý rác thải sinh hoạt đô thị tại Trung Quốc luôn kiên trì

phương châm “giảm lượng hóa, vô hại hóa, tài nguyên hóa”. Mạng lưới thu gom vận chuyển ngày càng hoàn thiện, năng lực xử lý rác thải không ngừng được nâng cao, môi trường đô thị về tổng thể đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, việc xử lý vô hại hóa rác thải đô thị tại Trung Quốc vẫn đối mặt với những thách thức

nghiêm trọng: 2/3 trong số hơn 600 thành phố trong toàn Trung Quốc bị rác thải bao vây; đô thị hóa phát triển nhanh chóng, rác thải sinh hoạt đô thị tăng cao, khả năng xử lý rác thải lại khá lạc hậu đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường xã hội và sự ổn định xã hội.

Rác thải sinh hoạt đô thị đối mặt với những vấn đề môi trường nghiêm trọng

Sản lượng rác thải của Trung Quốc đứng đầu trong toàn cầu. Năm 1990, lượng rác thải sinh hoạt vận chuyển tại đô thị (bao gồm đô thị huyện) là 67,67 triệu tấn, tới năm 2012, con số này đạt đến 239,19 triệu tấn. Theo phân tích, đến năm 2015 và năm 2020, sản lượng rác thải đô thị hàng năm tại Trung Quốc sẽ lần lượt đạt tới 250 triệu tấn và 280 triệu tấn. Các tài liệu cho thấy, lượng rác thải được chôn lấp trong nhiều năm tại Trung Quốc đã vượt trên 6 tỷ tấn, chiếm lĩnh hơn 3 triệu mẫu đất Trung Quốc (hơn 200 hecta; 1 mẫu Trung Quốc = 0,0667 hecta) đồng thời gây ô nhiễm nghiêm trọng cho khu vực lân cận.

Theo thống kê, năm 2011, tỷ lệ xử lý vô hại hóa rác thải sinh hoạt đô thị trong toàn Trung Quốc đạt 76%. Phương thức xử lý như sau:

- *Một là*, chôn lấp vệ sinh. Đây là phương thức chủ yếu để xử lý rác thải sinh hoạt tại các đô thị cấp huyện. Năm 2011, Trung Quốc đưa vào vận hành 547 bãi chôn lấp vệ sinh rác thải sinh hoạt đô thị, bình quân năng lực xử lý là khoảng 549 tấn/ngày. Việc tận dụng thu gom khí thể từ chôn lấp hoặc đốt được xử lý khí thải có khả năng đốt cháy tiếp tục được phát triển. Hiện tại, phương thức tận dụng khí thể từ chôn lấp vẫn là đốt cháy trực tiếp để phát điện. Tính đến cuối năm 2012, Trung Quốc đã hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng khoảng 50 trạm phát điện từ đốt khí thể chôn lấp, công suất phát điện khoảng 100 MW.

- *Hai là*, đốt rác xử lý. Các trạm phát điện từ đốt rác tại Trung Quốc chủ yếu phân bố tại các khu vực có nền kinh tế phát triển và tại một số đô thị lớn. Trong đó, Giang Tô, Chiết Giang,

Quảng Đông là ba tỉnh có số lượng nhiều nhất các trạm phát điện từ thiêu đốt rác thải sinh hoạt. Năm 2012, Trung Quốc đưa vào vận hành 21 trạm đốt rác thải sinh hoạt mới (không bao gồm các hạng mục mở rộng xây dựng), tổng quy mô khoảng 19 nghìn tấn/ngày. Đến cuối năm 2012, đưa vào vận hành 142 trạm phát điện từ đốt rác thải sinh hoạt, tổng năng lực xử lý là 154 nghìn tấn/ngày, tổng công suất 2.600 MW.

- *Ba là*, phương thức xử lý khác. Do chưa thực thi phân loại rác thải, các bãi ủ phân đã được xây dựng vận hành không hiệu quả, môi trường và thị trường phân bón bị ảnh hưởng, xử lý rác thải thông qua ủ phân dần dần thu hẹp. Một số kỹ thuật mới như kỹ thuật thủy phân cao áp nhiệt độ cao tại Yên Thái, tỉnh Sơn Đông với quy mô xử lý rác thải sinh hoạt 400 tấn/ngày, ngoài ra kỹ thuật ủ phân hiếu khí, kỹ thuật “dạ dày công nghiệp”... cũng đang được ứng dụng. (Kỹ thuật “dạ dày công nghiệp” giống như hoạt động tiêu hóa thức ăn trong dạ dày của con người, thông qua xử lý vô hại hóa nước thải, chất thải và khí thải bên trong rác thải để tạo ra phân bón)

Để tích cực thúc đẩy phân loại thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nhà bếp, 33 thành phố thí điểm trong toàn Trung Quốc đã triển khai xử lý thí điểm vô hại hóa rác thải nhà bếp. Có thành phố đã bước đầu xây dựng được một cơ cấu quản lý và thu gom, vận chuyển, xử lý khá hệ thống, cơ bản đạt tới điều kiện về phụ tải thiết kế. Ví dụ như hệ thống xử lý kỵ khí rác thải nhà bếp tại Trùng Khánh với quy mô xử lý đạt tới 1000 tấn/ngày. Tuy nhiên, hiện tại công tác xử lý rác thải của Trung Quốc vẫn tồn tại rất nhiều vấn đề:

- *Một là*, rác thải sinh hoạt chưa được phân loại. Do việc thiết kế phân loại rác thải đô thị không phù hợp với thực tế, thiếu hệ thống vận hành đồng bộ cũng như các cơ chế khích lệ ràng buộc, thiếu sự hỗ trợ, phối hợp của xã hội cho nên hiện tại về cơ bản việc phân loại rác

thải vẫn ở trong trạng thái chưa thực hiện được.

- *Hai là*, kỹ thuật xử lý tổng hợp rác thải sinh hoạt và công tác quản lý vẫn cần được hoàn thiện. Hiện tại, hệ thống xử lý kỵ khí rác thải nhà bếp đã được xây dựng vẫn chưa đưa vào vận hành bình thường, tham số công nghệ vẫn cần nghiên cứu thêm.

- *Ba là*, chi phí cho xử lý đốt rác thải sinh hoạt khá cao, hiệu quả thấp.

- *Bốn là*, kỹ thuật quản lý bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt cần được nâng cao. Việc xử lý dịch nước rò rỉ từ bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt và kiểm soát các khí thể (mùi hôi thối) từ chôn lấp hiện vẫn là khâu yếu kém trong quản lý vận hành bãi chôn lấp tại Trung Quốc.

Việc xử lý rác thải sinh hoạt đô thị cần căn cứ mục tiêu “khoa học hóa, thị trường hóa, xã hội hóa, pháp chế hóa” để tiến tới thúc đẩy thực hiện “giảm lượng hóa, vô hại hóa, tài nguyên hóa”, thực hiện tối đa tài nguyên hóa và vô hiệu hóa, thúc đẩy ngành xử lý rác thải phát triển lành mạnh. Con đường kỹ thuật và công tác quản lý cụ thể cần được lựa chọn các biện pháp dưới đây:

- *Một là*, tăng cường khoa học hóa phương thức xử lý rác thải. Tăng cường điều tra, theo dõi thành phần cấu thành của rác thải sinh hoạt, xem xét tổng hợp sản lượng, tính kinh tế của rác thải đô thị và phương thức xử lý sau cùng. Trong toàn quá trình từ đầu nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý sau cùng, tận dụng tuần hoàn... phải thể hiện “giảm lượng hóa, vô hại hóa, tài nguyên hóa”.

- *Hai là*, thúc đẩy hơn nữa thị trường hóa xử lý rác thải. Việc xây dựng và vận hành hệ thống xử lý rác thải đô thị sử dụng mô hình thị trường hóa với “Chính phủ chỉ đạo, doanh nghiệp thực thi, đa kênh đầu tư”.

- *Ba là*, thúc đẩy mạnh mẽ xã hội hóa xử lý rác thải. Nỗ lực thay đổi hiện trạng quản lý hành chính đơn nhất của cơ quan vệ sinh môi trường hiện nay.

- *Bốn là*, tăng cường pháp chế hóa đối với xử

lý rác thải đô thị. Thông qua lập pháp và xây dựng thể chế và hệ thống quản lý, giám sát nghiêm ngặt về thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải. Xác định rõ trách nhiệm của người dân và các cơ quan có liên quan.

- *Năm là*, tăng cường sự chỉ đạo và xây dựng năng lực đối với công tác xử lý rác thải đô thị. Thực hành quy hoạch và quản lý thống nhất.

Máy xử lý rác thải: tiêu diệt rác thải thực phẩm ngay tại bếp trở thành chìa khóa giải quyết vấn đề

Rác thải nhà ở (gồm rác thải thực phẩm và rác thải nhà bếp hộ gia đình) là thành phần chủ yếu trong rác thải sinh hoạt hàng ngày. Loại rác thải này chiếm từ 60% - 80% lượng rác thải sinh hoạt đô thị. Rác thải thực phẩm với đặc điểm như dễ thối rữa... trở thành trở ngại lớn trong việc xử lý, phân loại, thu gom, tận dụng tài nguyên hóa. Vì vậy, xử lý tốt rác thải nhà ở là then chốt trong hệ thống xử lý vô hại hóa toàn thể rác thải.

Những nguy hại của rác thải nhà bếp đã gây sự quan tâm chú ý mạnh mẽ của người dân và sự coi trọng cao độ của Chính phủ Trung Quốc. Từ năm 2006 trở lại đây, Bộ Nhà ở và xây dựng đô thị - nông thôn Trung Quốc đã tổ chức các đơn vị và doanh nghiệp có liên quan, kết hợp với kết cấu ẩm thực và thói quen sinh hoạt của người dân để nghiên cứu, phát triển loại máy xử lý rác thải thực phẩm. Hiện tại, doanh nghiệp chế tạo, sản xuất tại nội địa Trung Quốc có hơn 20 đơn vị, một số tính năng đều đã vượt qua mức của các nước phát triển. Ngày 1/8/2013, Quốc vụ viện Trung Quốc đã ban hành “Ý kiến của Quốc vụ viện về đẩy nhanh phát triển công nghiệp tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường”, trong đó “khuyến khích tiêu thụ các sản phẩm bảo vệ môi trường và các sản phẩm tái sinh, mở rộng thiết bị xử lý rác thải nhà bếp gia đình, đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.”

Thiết bị quan trọng trong xử lý vô hại hóa rác thải thực phẩm nhà bếp là máy xử lý rác thải thực phẩm, cũng được gọi là máy xử lý rác thải

nhà bếp. Thiết bị này được lắp đặt tại lỗ thoát nước của bồn rửa bát, có thể biến các vụn rác thải nhà bếp như cơm rau thừa, cuống rau củ... thành các hạt nhỏ, thậm chí biến thành dịch lỏng dạng bùn. Dịch lỏng từ ống thoát nước xả vào bể phốt và hệ thống nước thải đô thị trở thành chất dinh dưỡng trong công nghệ sinh hóa của nhà máy xử lý nước thải. Đây là thiết bị điện giúp rác thải nhà bếp hộ gia đình được xử lý khoa học. Nó giúp rác thải thực phẩm bị tiêu diệt tại nhà bếp, thực hiện giảm lượng hóa ngay tại đầu nguồn.

Vận hành máy xử lý rác thải thực phẩm trong 60 giây có thể xử lý hơn 1 kg rác thải thực phẩm. Sản lượng bình quân 1,23 kg/người/ngày. Ví dụ tính một hộ gia đình 3 người, một ngày sản sinh 3,69 kg rác thải thực phẩm, và sau 3 - 4 phút, rác thải sẽ biến thành dịch thể. Tính toán theo khả năng xử lý này, một chiếc máy xử lý rác thải thực phẩm có thể xử lý 1.350 kg rác thải thực phẩm trong 365 ngày của 1 năm.

Con đường căn bản giải quyết vấn đề rác thải đô thị

Mở rộng sử dụng máy xử lý rác thải thực phẩm có những lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường rõ rệt:

- *Một là*, thực hiện “giảm lượng hóa” rác thải đáng kể.
- *Hai là*, giảm chi phí thu gom và vận chuyển rác thải.

- *Ba là*, giảm số lượng và chi phí xử lý đốt rác thải.

- *Bốn là*, về cơ bản loại bỏ sự sản sinh các dịch chảy rác thải và chi phí xử lý chúng.

Ngoài ra, lợi ích của máy xử lý rác thải thực phẩm còn có:

- Việc thực hiện tách rời rác thải khô, ướt, tạo điều kiện cho việc phân loại rác thải và thu gom tận dụng để thực hiện tài nguyên hóa rác thải;
- Cải thiện môi trường nhà bếp và môi trường cư trú;
- Giảm số lượng xe rác từ đó giảm nhẹ áp lực giao thông đô thị;
- Giảm ô nhiễm do nước thải từ thực phẩm chảy rỉ ra đường và ven đường tại đô thị
- Tăng hàm lượng chất hữu cơ trong nước thải, có lợi cho công nghệ sinh hóa hoặc thu hồi tài nguyên, năng lượng sinh học tại nhà máy xử lý nước thải.
- Giảm triệt để những ô nhiễm do rác thải nhà bếp gây ra đối với rác thải có thể tái chế
- Nâng cao tỷ lệ tài nguyên tái chế
- Cải thiện tình hình xử lý tại các bãi chôn lấp và nhà máy đốt rác thải
- Giảm xả các chất ô nhiễm như dịch chảy rác thải, khí metan, khói...

Hàn Ái Hưng

Nguồn: chinajsb.cn

ND: Kim Nhạn

Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội làm việc với Bộ Xây dựng

Ngày 04/8/2014 tại Bộ Xây dựng, Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội do Bà Trương Thị Mai - Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội dẫn đầu đã có buổi làm việc với Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện Nghị quyết số 494/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng.

Tham dự buổi làm việc có ông Đỗ Mạnh Hùng - Phó chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội - Phó trưởng đoàn giám sát, các ủy viên của Ủy ban các vấn đề xã hội; đại diện Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Bộ Quốc phòng. Về phía Bộ Xây dựng có Ủy viên Trung ương Đảng - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam, và lãnh đạo các Cục, Vụ có liên quan của Bộ Xây dựng.

Báo cáo tại buổi làm việc với Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã khái quát tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Nghị quyết số 494/NQ-UBTVQH13 trên các mặt: Xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ về nhà ở cho người có công với cách mạng theo quy định của Nghị quyết số 494; tình hình triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất, kiến nghị.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, thực hiện Nghị quyết số 494/NQ-UBTVQH13 ngày 18/5/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 1262/BXD-QLN ngày 30/7/2012 đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương triển khai việc rà soát đối tượng cần hỗ trợ và xây dựng chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng để



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng báo cáo tại buổi làm việc

trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành. Trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, ý kiến góp ý của các Bộ, ngành liên quan, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ngày 26/4/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở (có hiệu lực từ 15/6/2013).

Theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg, trong năm 2013, Nhà nước sẽ thực hiện hỗ trợ về nhà ở cho hơn 71.000 hộ gia đình có công với cách mạng theo danh sách mà 53 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có báo cáo số liệu với Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2012 (trong đó có hơn 49.000 hộ phải xây dựng mới nhà ở và hơn 21.000 hộ phải sửa chữa, cải tạo lại nhà ở). Đối với các trường hợp mà địa phương mới rà soát, thống kê, báo cáo trong năm 2013 thì sẽ tiếp tục thực hiện hỗ trợ trong năm 2014.

Đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg bao gồm 12 đối tượng là người có công với cách mạng được quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Điều kiện để được hỗ trợ là các hộ đang ở nhà bị hư hỏng nặng phải



Chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, Trưởng đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội Trương Thị Mai phát biểu kết luận buổi làm việc

phá dỡ để xây mới hoặc đang ở nhà tạm phải sửa chữa khung, tường và thay mới mái nhà (kể cả các hộ đã được hỗ trợ theo các chính sách khác trước đây). Mức kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với trường hợp phải xây dựng mới nhà ở là 40 triệu đồng/hộ, đối với trường hợp sửa chữa khung, tường và thay mới mái nhà là 20 triệu đồng/hộ. Ngoài mức kinh phí này, Nhà nước cũng khuyến khích cộng đồng, dòng họ giúp đỡ, hộ gia đình tham gia đóng góp và tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương mà ngân sách địa phương có thể hỗ trợ thêm cho các hộ gia đình.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 09/2013/TT-BXD ngày 01/7/2013 và Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 98/2013/TT-BTC ngày 24/7/2013 hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Bộ Xây dựng cũng đã ban hành nhiều văn bản đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách và hướng dẫn triển khai thực hiện.

Để triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các địa phương đã thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện và xã với các thành viên là đại diện lãnh đạo các ngành: Lao động, Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Tài chính,

Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh... Cấp tỉnh thì có tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở và xây dựng nghĩa trang, có tỉnh thành lập Ban chỉ đạo riêng về việc thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg. Như vậy, các địa phương đã tổ chức triển khai một cách quyết liệt, có sự tham gia đầy đủ của các cấp, các ngành liên quan.

Theo số liệu báo cáo của 53/63 tỉnh, thành phố gửi Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2012, số lượng người có công với cách mạng cần được hỗ trợ về nhà ở là 72.153 hộ, trong đó số hộ cần xây dựng mới nhà ở là 50.145 hộ; số hộ cần sửa chữa, cải tạo nhà ở là 21.738 hộ; tổng số tiền cần thực hiện hỗ trợ là 2.451 tỷ đồng (trong đó ngân sách trung ương là 2.232 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 219 tỷ đồng).

Được sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự phối hợp của các Bộ, ngành và sự vào cuộc của các địa phương, đến nay đã có 51/53 địa phương đã được Bộ Tài chính tạm ứng 50% kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương. Đã có 29.557 hộ hoàn thành việc hỗ trợ đạt tỷ lệ 41% số hộ cần hỗ trợ theo báo cáo của Đoàn giám sát (trong đó 19.203 hộ được xây mới nhà ở và 10.354 hộ được sửa chữa, cải tạo lại nhà ở); 5.728 hộ đang triển khai thực hiện đạt tỷ lệ 7,9% số hộ cần hỗ trợ theo báo cáo của Đoàn giám sát (trong đó có 4.156 trường hợp xây mới và 1.572 trường hợp sửa chữa, cải tạo). Còn lại 26 tỉnh, thành phố chưa có hộ nào được hoàn thành việc hỗ trợ, gồm 10 địa phương không được cấp kinh phí do không có số liệu báo cáo Đoàn giám sát năm 2012, 02 địa phương chưa được cấp kinh phí do lập Đề án chậm so với yêu cầu và 10 địa phương mới được cấp kinh phí từ tháng 5/2014, 05 địa phương đang triển khai thực hiện.

Báo cáo của Bộ Xây dựng cũng nêu ra một số vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở như: sự lúng túng trong việc thống kê, rà

soát đối tượng của các địa phương, kinh phí ngân sách cấp chậm và không đủ theo quy định, một số trường hợp xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở không đúng quy định do các cấp ở địa phương chưa kịp thời kiểm tra, hướng dẫn; một số trường hợp thuộc diện được hỗ trợ trong năm 2013 nhưng chưa muốn xây dựng nhà ở mới vì chưa được tuổi... cũng dẫn đến việc triển khai thực hiện bị chậm so với yêu cầu...

Tại buổi làm việc, các thành viên của Đoàn giám sát cũng đưa ra những câu hỏi trao đổi và Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã có báo cáo giải trình đầy đủ.

Phát biểu kết luận buổi làm việc, Trưởng Đoàn giám sát Trương Thị Mai đã đánh giá cao việc Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng trực tiếp báo cáo và giải trình, làm rõ các vấn đề mà Đoàn giám sát nêu ra, thể hiện tinh thần trách nhiệm rất cao. Bên cạnh đó, báo cáo của Bộ Xây dựng được chuẩn bị nghiêm túc, chất lượng và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Đoàn giám sát.

Bà Trương Thị Mai cho biết, qua báo cáo của Bộ Xây dựng, phát biểu của đồng chí Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, và qua thực tế giám sát tại một số địa phương, Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhận thấy, Bộ Xây dựng rất khẩn trương triển khai các văn bản đề xuất Chính phủ cũng như chỉ đạo tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Nghị quyết số 494. Các văn bản của Bộ Xây dựng được ban hành nghiêm túc và có chất lượng. Trong việc tổ chức

thực hiện các chính sách, Bộ Xây dựng đã chủ động, nỗ lực xử lý các vướng mắc, hướng dẫn các địa phương thành lập Ban chỉ đạo và tiến hành rà soát đối tượng. Các tiêu chí của Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2013/TT-BXD đã đưa ra mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện ngân sách, việc mở rộng phạm vi đối tượng chính sách phù hợp với Nghị quyết 494 và Pháp lệnh số 04.

Chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, Trưởng đoàn giám sát Trương Thị Mai cũng ghi nhận những kết quả đạt được trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, ghi nhận và biểu dương sự cố gắng của các địa phương trong việc ứng trước tiền vốn để thực hiện Chương trình.

Chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội Trương Thị Mai cũng đề nghị Bộ Xây dựng cần tiếp tục quan tâm, đảm bảo chính sách nhà ở cho người có công thực sự có tính ưu đãi, phù hợp với khả năng ngân sách Trung ương, địa phương, huy động được thêm các nguồn lực từ xã hội và khả năng tự thân của người có công; trong việc xét đối tượng, ưu tiên vấn đề tình trạng nhà ở; có văn bản đề nghị Sở Xây dựng các địa phương phối hợp với các Sở, ngành liên quan tiến hành rà soát chặt chẽ đối tượng được hỗ trợ để có số liệu chính xác báo cáo Thường vụ Quốc hội trong tháng 9/2014.

Minh Tuấn

Hội nghị thẩm định quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực hệ thống sông Đồng Nai đến năm 2030

Ngày 01/8/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực hệ thống sông Đồng Nai đến năm 2030 đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh. Tham dự Hội nghị có lãnh đạo đại diện các Bộ, ngành liên quan, Văn phòng Chính phủ, đại diện Sở Xây

dựng thuộc các tỉnh lưu vực ven sông, các Hiệp hội nghề Việt Nam và một số Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng.

Đại diện của đơn vị tư vấn đã báo cáo tóm tắt trước Hội nghị nội dung của quy hoạch. Theo báo cáo, bố cục quy hoạch gồm 6 phần: Mở đầu; hiện trạng quản lý chất thải rắn (CTR);

dự báo phát sinh CTR; quan điểm, định hướng quy hoạch quản lý CTR đến năm 2030; kế hoạch và nguồn lực thực hiện quy hoạch; kết luận và kiến nghị. Phạm vi thực hiện quy hoạch gồm 11 tỉnh, thành phố thuộc lưu vực sông Đồng Nai, cụ thể gồm: tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Bình Phước, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Long An. Mục tiêu của quy hoạch nhằm xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống và phương thức phân loại CTR tại nguồn, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng khu vực; nâng cao năng lực, tăng cường trang thiết bị thu gom, vận chuyển CTR cho các đô thị, khu công nghiệp và điểm dân cư; xây dựng, hoàn chỉnh mạng lưới các khu xử lý CTR theo hướng tăng cường tái chế, hạn chế chôn lấp và đảm bảo vệ sinh môi trường; xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống cơ chế chính sách, bộ máy quản lý về CTR nhằm đẩy mạnh hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng thu gom, vận chuyển và xử lý.

Khu vực quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực hệ thống sông Đồng Nai có diện tích là 37.400 km, dân số của 11 tỉnh, thành phố là 19,8 triệu người (đô thị là 10,5 triệu người), trong đó có 7 tỉnh thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, có 143 khu công nghiệp (90 khu công nghiệp đang hoạt động). Theo thống kê, CTR sinh hoạt đô thị tại 11 tỉnh là 11.460 tấn/ngày, riêng TP. HCM chiếm 65,5%, CTR sinh hoạt nông thôn là 5.343 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom rác ở đô thị lớn từ 65 - 90%, nông thôn dưới 25%; đối với CTR sinh hoạt hiện chưa được phân loại tại nguồn phổ biến, mới chỉ là thí điểm; các đô thị lớn đều có trạm trung chuyển, đô thị nhỏ thì có điểm tập kết, tuy nhiên, hoạt động tái chế CTR rất đa dạng, nhưng chưa chính thức, toàn lưu vực hiện mới có 8 cơ sở Composting kết hợp tái chế. Đối với CTR công nghiệp, hiện tập trung lớn nhất là ở TP. HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu với



Toàn cảnh cuộc họp

tổng lượng là 4.800 tấn/ngày; CTR nguy hại khoảng 950 tấn/ngày, chiếm 22,6% tổng lượng CTR công nghiệp. Hiện nay, CTR công nghiệp được phân loại tại nguồn do quy định và do mục đích tái chế của doanh nghiệp, toàn khu vực có 48 cơ sở thu gom, vận chuyển được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép.

Theo nội dung báo cáo, lộ trình quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực hệ thống sông Đồng Nai đến năm 2030 được chia làm 3 giai đoạn: Giai đoạn 2014 - 2015 xây dựng chương trình phân loại tại nguồn, cơ sở vật chất thu gom, xử lý, thí điểm và đánh giá; Giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện đối với đô thị có nhà máy tái chế; Giai đoạn sau 2020 - 2030, nhân rộng. Đối với quy hoạch quản lý CTR sinh hoạt, sẽ ưu tiên lựa chọn những công nghệ xử lý tái chế (plastic, kim loại...) hoặc tạo ra các sản phẩm có giá trị như dầu diezen, khí sinh học...; sản xuất phân hữu cơ và kết hợp tái chế; đốt (hoàn toàn/ nhiệt phân/ plasma) kết hợp thu hồi năng lượng; khí hóa (sản xuất khí đốt) hoặc viên nhiên liệu (RDF, SRF); chôn lấp hợp vệ sinh. Đối với CTR công nghiệp sẽ được tiến hành phân loại tại nguồn theo đặc tính nguy hại và theo khả năng tái chế. Dự kiến giai đoạn đến năm 2015, việc áp dụng giải pháp sản xuất sạch hơn trong công nghiệp sẽ giúp giảm thiểu được 13% tổng lượng CTR của 50% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh. Đến năm 2030, 100% các cơ sở sản xuất phải áp dụng

công nghệ sạch. Đối với CTR nông nghiệp một phần sẽ được tận thu làm chất đốt, ủ sinh học, phần lớn được xử lý tại chỗ bằng biện pháp chôn lấp, bón ruộng...; chất thải chăn nuôi được xử lý tại chỗ bằng biogas, ủ phân, chôn lấp; CTR nguy hại từ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, phân bón sẽ được thu gom tại các điểm dân cư nông thôn và định kỳ đưa đi xử lý. Đối với CTR tại làng nghề, thông thường một phần tái chế, phần còn lại được thu gom, xử lý như CTR sinh hoạt tại các điểm dân cư.

Các thành viên trong Hội đồng đều đánh giá cao nội dung quy hoạch mà đơn vị tư vấn đã thực hiện và nhận định đây là Đồ án rất khó từ phạm vi cho đến đối tượng quy hoạch. Theo các ý kiến góp ý, để Đồ án quy hoạch hoàn thiện hơn, đơn vị tư vấn cần chỉnh sửa lại các số liệu về vị trí, quy mô sử dụng đất cho cập nhật với tình hình thực tế của các khu vực. Ngoài ra, các tỉnh cũng đề nghị chỉnh sửa lại lộ trình quy hoạch quản lý CTR sinh hoạt từ 2014 - 2020 thay vì 2014 - 2015, các tỉnh cho rằng hiện đã là năm 2014, nên khả năng thực hiện sẽ rất khó

và đề xuất để thực hiện tốt công tác phân loại tại nguồn, cần có hướng dẫn cụ thể. Đồng thời bày tỏ mong muốn quy hoạch này khi được thực hiện sẽ không làm xáo trộn các quy hoạch đã và đang triển khai tại địa phương.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh đã nhất trí với ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, đồng thời, cũng nhấn mạnh về nhiệm vụ mà Thủ tướng giao phó. Thứ trưởng cho rằng, Đồ án quy hoạch này là sản phẩm của 11 tỉnh nằm trong khu vực, chứ không phải riêng Bộ Xây dựng, do đó, các địa phương cần có sự liên kết chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau nhiều hơn nữa và luôn xác định đây là nhiệm vụ, không phải vì lợi ích của riêng tỉnh nào. Thứ trưởng cũng yêu cầu, đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến đóng góp của các thành viên trong Hội đồng và bổ sung những số liệu mới nhất để đồ án được hoàn chỉnh và sớm trình Thủ tướng phê duyệt.

Bích Ngọc

Hội thảo quản lý tổng hợp chất thải rắn tại Việt Nam

Ngày 11/8/2014, tại Hà Nội, Cục Hạ tầng Kỹ thuật - Bộ Xây dựng phối hợp cùng Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản tại Việt Nam (JICA) tổ chức Hội thảo Quản lý tổng hợp chất thải rắn tại Việt Nam.

Tham dự Hội thảo có: Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh, ông Tadashi Suzuki - Phó trưởng Đại diện JICA tại Việt Nam, các lãnh đạo đại diện Văn phòng Chính phủ, một số Bộ ngành có liên quan, các Sở, Cục, Vụ, Viện thuộc các Bộ ngành và đội ngũ Urenco tại các địa phương.

Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa của Việt Nam diễn ra nhanh chóng, là cơ hội đưa nền kinh tế đất nước tiến nhanh, tiến xa hơn với sự phát triển của các nước trong khu vực. Tuy nhiên, vấn đề môi trường vẫn là những thách



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội thảo

thức song hành cùng với sự phát triển, thậm chí ngày càng diễn ra gay gắt và tạo nên áp lực, thách thức lớn trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong vấn đề quản lý chất thải rắn. Theo thống kê, hiện nay tổng khối lượng chất

thải rắn phát sinh trên toàn quốc khoảng 28 triệu tấn/năm, trong đó chất thải rắn sinh hoạt là 23 triệu tấn/năm chiếm 80%, còn lại là chất thải rắn công nghiệp thông thường khoảng 4,8 triệu tấn/năm, chất thải rắn nguy hại khoảng 1,1 triệu tấn/năm. Dự báo vào năm 2015 tổng khối lượng chất thải rắn ở Việt Nam sẽ khoảng 30 triệu tấn/năm và năm 2020 sẽ khoảng 42 triệu tấn/năm.

Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững, trong thời gian qua Chính phủ đã có những chỉ đạo định hướng lớn, liên tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn các vấn đề liên quan tới bảo vệ môi trường. Các Luật, Nghị định của Chính phủ ban hành trong thời gian vừa qua, cho thấy sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ trong vấn đề xử lý chất thải rắn tại Việt Nam. Theo đó, các nhiệm vụ trong công tác bảo vệ môi trường, cụ thể là quản lý chất thải rắn, đã được phân công cụ thể cho các Bộ, ngành và các đơn vị có liên quan, bước đầu đã khuyến khích, thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trên cơ sở quy hoạch của các địa phương đã có những số liệu rà soát cụ thể, phục vụ cho công tác quản lý và làm cơ sở xây dựng kế hoạch, danh mục huy động, tập trung vào nguồn lực các nhà đầu tư tham vào lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn. Cùng với hoạt động của các đơn vị nhà nước về dịch vụ công ích, công ty công trình đô thị, sự tham gia của các thành phần kinh tế khác, các nguồn lực ngoài nguồn ngân sách ngày càng có vai trò quan trọng, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ chủ trương của Nhà nước về công tác xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường, thu gom, xử lý chất thải.

Hiện nay, công tác quản lý tại Việt Nam chưa đáp ứng yêu cầu, mặc dù các quy định và quản lý chất thải rắn liên tục được rà soát và hoàn thiện. Với đặc thù phát triển của Việt Nam, có nhiều quy định và quản lý chưa phù



Toàn cảnh Hội thảo

hợp với thực tế. Việc xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp có nguy cơ gây ô nhiễm và chiếm diện tích đất sử dụng lớn, chi phí xử lý và vận hành các dây chuyền xử lý chất thải tại các địa phương còn cao, trong khi phí vệ sinh thu gom, cùng với ý thức của cộng đồng trong việc giảm thiểu, phân loại và xử lý chất thải rắn còn thấp. Hội thảo được tổ chức có ý nghĩa hết sức quan trọng và có tính thời sự, giúp các nhà quản lý có cách nhìn tổng thể về hoạt động bảo vệ môi trường nói chung, và quản lý chất thải rắn nói riêng.

Tại Hội thảo, các vị đại biểu đã được nghe nhiều báo cáo tham luận nổi bật như: Tổng quan về quản lý tổng hợp chất thải rắn tại Việt Nam của PGS.TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng Kỹ thuật - Bộ Xây dựng; Hướng tới quản lý tổng hợp chất thải rắn của ông Hideki Wada, trưởng đoàn chuyên gia JICA; Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2011 - 2020 và môi trường pháp lý nhằm thúc đẩy thành phần kinh tế tư nhân tham gia lĩnh vực quản lý chất thải rắn đô thị ở Việt Nam của ông Vũ Thừa Ân - Chuyên viên cao cấp - Vụ kết cấu Hạ tầng và Đô thị, Bộ KH & Đầu tư; Đánh giá về các công nghệ xử lý chất thải rắn đang được áp dụng tại Việt Nam và các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu công nghệ của TS. Nguyễn Đình Hậu, Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và các ngành kinh tế kỹ thuật - Bộ KH & CN... cùng nhiều tham luận báo cáo về các công tác thu gom, vận chuyển và xử lý

chất thải rắn tại Việt Nam.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh đã gửi lời cảm ơn tới cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản đã hỗ trợ tích cực cho Bộ Xây dựng trong những năm vừa qua, đặc biệt là trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, phát triển đô thị và hoạt động xây dựng. Thứ trưởng cho rằng Hội thảo là cơ hội tốt cho các nhà quản lý, các doanh nghiệp được trao đổi thông tin và chia sẻ những kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn. Đồng thời, hi vọng những tham luận của các đại diện cơ quan quản lý, các nhà khoa học và nhà đầu tư, nhà cung cấp công nghệ được trình bày và thảo luận sẽ đánh giá một cách tổng quan hơn về thực trạng quản lý chất thải rắn tại Việt Nam. Qua đó, sẽ góp phần nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn và có cơ sở cho việc huy động các nguồn lực tham gia đầu tư vào lĩnh vực quản lý chất thải rắn, góp phần vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Theo ông Tadashi Suzuki - Phó trưởng Đại diện JICA tại Việt Nam, để thực hiện các kế

hoạch bảo vệ môi trường một cách phù hợp nhất, Việt Nam cần có hoạch định rõ ràng về vấn đề quản lý về môi trường phù hợp với thực tiễn. Trong bối cảnh hiện nay, theo đề nghị của Chính phủ Việt Nam, JICA Nhật Bản cùng với Bộ Xây dựng đã bắt đầu triển khai dự án về xây dựng năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn tại Việt Nam, dự án thí điểm sẽ được triển khai tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo ông Tadashi, quản lý tổng hợp có nghĩa là không chỉ nhìn vào cơ sở hạ tầng, mà cần nhìn vào toàn bộ hệ thống, như là phát sinh chất thải, quản lý đất đai, làm sao để giảm thiểu và tái chế rác thải... tất cả vấn đề này cần phải được xem xét và có kế hoạch cụ thể. Hội thảo sẽ giúp các chuyên gia Nhật Bản có thể xác định những vấn đề khó khăn và thách thức ở Việt Nam, từ đó tìm ra biện pháp khả thi và phù hợp, giúp Việt Nam có thể thực hiện công tác quản lý tổng hợp chất thải rắn tốt hơn.

Bích Ngọc

Hội thảo “Vật tư thiết bị ngành nước trong công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch”

Ngày 12/8/2014, tại thành phố Hải phòng đã diễn ra Hội thảo “Vật tư thiết bị ngành nước trong công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch” do Bộ Xây dựng và Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam phối hợp tổ chức.

Tham dự Hội thảo có ông Sarkioja Tomi - Tham tán Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam; đại diện các cơ quan chức năng của Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan; các Hội, Hiệp hội chuyên ngành; các Sở Xây dựng, các công ty cấp nước của 32 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khu vực miền Bắc và miền trung; các doanh nghiệp sản xuất vật tư, thiết bị ngành nước của Việt Nam và Phần Lan. Đại diện cho Bộ Xây dựng - đơn vị tổ chức Hội thảo, PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục



PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật phát biểu khai mạc Hội thảo

Hạ tầng kỹ thuật phát biểu khai mạc Hội thảo.

Theo PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến, trong những năm qua, được sự quan tâm của Chính

phủ, các Bộ, ngành và các địa phương, sự hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức quốc tế, các nước bạn bè trên thế giới như: Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Nhật Bản, Đan Mạch, Hà Lan..., đặc biệt là sự hỗ trợ của Chính phủ Phần Lan, việc cung cấp nước sạch cho các khu dân cư tập trung ở nông thôn và đô thị đã không ngừng được mở rộng, phát triển với chất lượng dịch vụ ngày càng cao. Ngày 24/11/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định phê duyệt Chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025 với mục tiêu huy động và tập trung các nguồn lực cho hoạt động chống thất thoát, thất thu nước sạch, giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch từ 30% năm 2009 xuống 25% vào năm 2015 và dưới 15% vào năm 2025. Từ khi triển khai Chương trình này, với rất nhiều cố gắng, tỷ lệ thất thoát nước sạch của nước ta năm 2013 đã giảm xuống 26% và hy vọng sẽ giảm xuống 24 - 25% trong năm 2014 theo đúng kế hoạch đề ra.

PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến cũng cho biết, vật tư, thiết bị ngành nước có chất lượng, đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đóng vai trò quan trọng góp phần giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch. Do đó, Hội thảo này, với sự tham dự của các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp cấp nước, các doanh nghiệp sản xuất vật tư, thiết bị ngành nước của Việt Nam và Phần Lan, các chuyên gia trong nước và nước ngoài... sẽ là cơ hội để đánh giá một cách tổng quan việc sản xuất, cung cấp vật tư, thiết bị ngành nước của Việt Nam hiện nay, vấn đề chất lượng, kỹ thuật và công nghệ sản xuất vật tư, thiết bị ngành nước được sản xuất trong nước và hệ thống các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan đến công tác quản lý chất lượng vật tư, thiết bị ngành nước.

Tham luận tại Hội thảo, PGS.TS Mai Thị Liên Hương - Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật, Bộ Xây dựng, đã giới thiệu tổng quan về vật tư, thiết bị cấp nước ở Việt Nam hiện nay, bao gồm các chủng loại và vật liệu ống, đồng



Toàn cảnh Hội thảo

hồ đo nước, các phụ kiện và thiết bị trên mạng lưới cấp nước, sử dụng bơm biến tần, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hệ thống cấp nước. Bên cạnh đó, PGS.TS Mai Thị Liên Hương cũng đề cập đến những vướng mắc trong việc quản lý, phát triển vật tư, thiết bị ngành nước do các tiêu chuẩn thiết kế hệ thống cấp nước đã lạc hậu, thiếu các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia làm cơ sở cho việc kiểm soát chất lượng các sản phẩm vật tư, thiết bị.

Trình bày về kinh nghiệm chống thất thoát, thất thu nước sạch của Phần Lan, ông Martin Lipponen - chuyên gia Phần Lan đã giới thiệu chi tiết mô hình vận hành, quản lý hệ thống cấp nước của Công ty cấp nước Lahti Aqua Oy tại thành phố Lahti, kinh nghiệm quản lý tài sản, công nghệ thông minh và thiết bị hiện đại - đảm bảo tỷ lệ thất thu rất thấp, chỉ từ 4 - 6%.

Về vai trò của vật tư thiết bị trong công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch, Công ty TNHH Nhà nước MTV xây dựng và cấp nước thành phố Huế, Công ty TNHH MTV cấp nước Hải Phòng chia sẻ những kinh nghiệm về việc lựa chọn vật tư cho mạng lưới (đường ống, phụ tùng, đồng hồ, van khóa) chất lượng tốt để lắp đặt mới hoặc thay thế hệ thống đường ống cũ, góp phần giảm thiểu đáng kể tình trạng rò rỉ, thất thoát nước ở các địa phương này.

Tại Hội thảo, đại diện các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp tham dự cũng trao đổi thông tin chuyên sâu về hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn

kỹ thuật kiểm soát chất lượng các sản phẩm vật tư, thiết bị ngành nước; các sản phẩm công nghệ, vật liệu mới; các yêu cầu đối với việc cung ứng vật tư thiết bị, thi công lắp đặt cũng như giám sát quá trình thi công để đảm bảo chất lượng các công trình cấp nước, hạn chế thất thoát thất thu nước sạch.

Phát biểu tổng kết Hội thảo, PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến đánh giá cao 14 bài tham luận của các diễn giả trong nước và quốc tế đã được trình bày trong khuôn khổ Hội thảo. Các tham luận đã đề cập hầu hết các vấn đề, các nội dung cần thiết để chống thất thoát, thất thu nước sạch như: công tác sản xuất vật tư thiết bị ngành nước, những kết quả đạt được, ưu điểm và nhược điểm của một số loại vật tư, thiết bị; hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; công tác tư vấn thiết kế, thi công lắp đặt, ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước... Các tham luận chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia Phần Lan, kinh nghiệm của thành phố Huế, thành phố Hải Phòng cho thấy chất lượng vật tư, thiết bị có vai trò quan trọng. Nếu làm tốt công tác thiết kế,

lựa chọn những vật tư, thiết bị có chất lượng tốt, kiểm soát chặt chẽ quá trình thi công, lắp đặt thì sẽ góp phần giảm thiểu thất thoát, thất thu nước sạch, nâng cao hiệu quả của các công trình, dự án cấp nước, góp phần tiết kiệm tài nguyên nước, tiết kiệm năng lượng. PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến cũng đánh giá cao sự nỗ lực của các doanh nghiệp sản xuất vật tư thiết bị ngành nước của Việt Nam trong việc không ngừng ứng dụng các thành quả khoa học công nghệ mới trong lĩnh vực vật liệu, chế tạo để nâng cao chất lượng các sản phẩm. Theo PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến, bên cạnh việc chú trọng nâng cao chất lượng các sản phẩm vật tư, thiết bị ngành nước, đáp ứng yêu cầu về độ bền cơ học, thân thiện môi trường, dễ sử dụng, thì các doanh nghiệp còn phải quan tâm đến việc đưa ra giá thành sản phẩm phù hợp với điều kiện kinh tế của Việt Nam, góp phần thay thế sản phẩm nhập khẩu, đóng góp cho sự phát triển bền vững của ngành cấp, thoát nước Việt Nam.

Minh Tuấn

Mô hình phát triển nhà ở giá rẻ tiêu biểu ở thành phố Đam Châu thuộc tỉnh Hải Nam, Trung Quốc

Nhà ở là nhu cầu thiết yếu của người dân. Những năm gần đây, tại rất nhiều địa phương trên khắp Trung Quốc xuất hiện hiện tượng đẩy giá nhà lên quá cao. Giá nhà cao khiến cho người tiêu dùng bất lực và phẫn nộ, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của kinh tế và xã hội. Chính vì thế, tại Đại hội Đảng XVIII, Chính phủ và Quốc hội Trung Quốc đặc biệt quan tâm đến vấn đề nhà ở, đồng thời thể hiện thái độ kiên quyết, dốc toàn lực để thúc đẩy việc xây dựng nhà ở giá rẻ trên cả nước. Trong thời gian thực hiện kế hoạch “5 năm lần thứ XII”, Trung Quốc dự kiến sẽ xây dựng được khoảng 36 triệu đơn vị nhà ở giá rẻ. Đây là quyết định thể hiện sự quyết tâm và phù hợp với lòng dân

của Chính phủ Trung Quốc.

Những chính sách và quy định để kiểm soát và hạ nhiệt thị trường bất động sản được Chính phủ liên tục ban hành, hỗ trợ tối đa cho chính quyền địa phương và doanh nghiệp trong công tác phát triển nhà ở giá rẻ. Sau khi triển khai các chính sách và dự án hỗ trợ nhà ở giá rẻ ở các địa phương, thời gian qua cũng thu được nhiều kết quả đáng mừng. Điển hình là dự án nhà ở giá rẻ được triển khai tại Đam Châu, tỉnh Hải Nam, đã thành công, và trở thành minh chứng cho quyết tâm thực hiện xã hội hóa nhà ở của Chính phủ Trung Quốc.

Đam Châu tuy là một thành phố nhỏ thuộc tỉnh Hải Nam, Trung Quốc, nhưng khi nhắc đến

các dự án nhà ở giá rẻ thì giới xây dựng trong nước không thể không nhắc đến. Đây luôn được xem như một ví dụ điển hình về phát triển nhà ở giá rẻ, và nhận được sự quan tâm không nhỏ của báo chí trong và ngoài nước.

Thực hiện cơ chế tiến bộ, thu hút đầu tư

Lấy dân làm gốc, đem lại lợi ích cho dân là mục đích chính, là nguyên tắc cơ bản trong kế hoạch quy hoạch thành phố Đam Châu, trong đó trọng tâm là xây dựng nhà ở giá rẻ. Trong tình trạng nguồn tài chính có hạn, chính quyền Đam Châu tập trung vào công tác quy hoạch xây dựng nhà ở giá rẻ nhưng có chất lượng cao. Các dự án được lập nên gồm Dân Lạc, Chính Hợp, Hoa viên Di Tâm, Phong Hoa.

Năm 2009, lần đầu tiên trong lịch sử xây dựng của Đam Châu, dự án Đài Tâm Hoa Viên được triển khai thực hiện là dự án có vốn đầu tư lớn nhất, diện tích rộng nhất, với quy mô 5.064 căn hộ, trong đó có 4.044 căn hộ là nhà ở giá rẻ, với tổng diện tích sàn là hơn 4 trăm nghìn m², tổng vốn đầu tư khoảng 880 triệu NDT, kế hoạch hoàn thành trong 1 năm rưỡi.

Khi thực hiện kế hoạch xây dựng nhà ở giá rẻ, cũng giống như các thành phố khác trên cả nước, Đam Châu phải đối mặt lần lượt với vấn đề quy mô số lượng và vấn đề về vốn. Mặc dù các Bộ, ngành có liên quan như Bộ Tài chính, Bộ Nhà ở, Xây dựng đô thị và nông thôn, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia đã có những chính sách và quyết định hỗ trợ về tài chính cho các dự án nhà ở giá rẻ, nhà ở xã hội, nhưng vẫn chưa đáp ứng được hết nhu cầu về vốn. Vì thế, chính quyền thành phố Đam Châu đã áp dụng các chính sách về thuế và đất đai, nhằm khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước tích cực thực hiện các dự án nhà ở giá rẻ trên địa bàn thành phố.

Đồng thời, chính quyền thành phố cũng tăng cường lãnh đạo và tổ chức công tác xây dựng nhà ở giá rẻ. Thời gian đầu thành lập, Bí thư thành ủy là người chịu trách nhiệm lãnh đạo và điều hành, kết hợp với các cơ quan có liên quan

khác để kiểm tra, giám sát và nghiệm thu các công trình. Phân công rõ nhiệm vụ của từng đơn vị, và người đứng đầu chịu trách nhiệm quản lý, hình thành nên một hệ thống điều hành thống nhất, thúc đẩy việc xử lý công việc nhanh chóng và chính xác, hiệu quả.

Chính quyền tỉnh Hải Nam đặt rất nhiều kỳ vọng vào hệ thống chính quyền của thành phố Đam Châu. Dự án Hoa viên Di Tâm chính thức được khởi công vào ngày 28/7/2010, và đây được coi là dự án đầu tiên của cả nước về việc thí điểm sử dụng Quỹ hỗ trợ xây dựng nhà ở giá rẻ. Dự án này chính là động lực thúc đẩy thị trường xây dựng nhà ở giá rẻ trên cả nước.

Quy hoạch xây dựng một cách khoa học

Khi tiến hành xây dựng dự án nhà ở giá rẻ, lãnh đạo thành phố Đam Châu đã chỉ đạo phải căn cứ vào quy hoạch tổng thể của địa phương, để phân bổ vị trí xây dựng các dự án nhà ở xã hội tích hợp với hệ thống giao thông, cơ sở vật chất, môi trường sống, cảnh quan của khu vực, để tránh tình trạng sau vài năm đưa vào hoạt động các dự án lại trở thành “khu ổ chuột”, vừa làm mất mỹ quan vừa làm ảnh hưởng đến an ninh xã hội và đời sống của người dân.

Dự án Hoa viên Di Tâm được xây dựng trên diện tích 486 ha, ở vào vị trí đắc địa của thành phố, gần với công viên văn hóa cộng đồng, giao thông thuận tiện, môi trường tốt. Chính vì thế, có rất nhiều tập đoàn bất động sản lớn đã đầu tư vào Đam Châu và dự án này. Hầu hết đều nhận ra tiềm năng phát triển và nguồn lợi nhuận thu được khi đầu tư vào đây. Theo giá thị trường, mỗi mẫu đất ở đây có thể lên tới 1 triệu NDT. Trong khi, chính quyền Đam Châu đưa ra mức giá là 180 nghìn NDT cho mỗi mẫu đất thực hiện dự án nhà ở xã hội. Vì thế, chỉ tính riêng tiền đất, nhà đầu tư đã được lợi ít nhất 400 triệu NDT.

Bên cạnh đó, chính quyền thành phố cũng yêu cầu, trong thiết kế quy hoạch của khu Hoa viên Di Tâm phải thể hiện được quan điểm “Lấy dân làm gốc”, các chỉ số phải đảm bảo gồm: tỷ

lệ diện tích sàn là 0,2 (tổng diện tích đất xây dựng/ tổng diện tích đất sử dụng), mật độ xây dựng là 22,4%, tỷ lệ xanh hóa là 33,2%, 1.558 bãi đỗ xe, 50.000 m² đất để thực hiện các dự án thương mại. Theo tính toán, mỗi m² nhà ở sẽ có giá khoảng 1.800 NDT, trong khi giá trên thị trường là hơn 5.000 NDT, như vậy chính quyền thành phố đã đem về cho người dân lợi ích gần 700 triệu NDT.

Cơ chế quản lý, giám sát chặt chẽ

Chính quyền thành phố Đam Châu luôn coi trọng chất lượng của các dự án nhà ở xã hội. Dù mới bắt đầu hay đã hoàn thành thì các công trình này đều phải đảm bảo có chất lượng tốt nhất, và tuổi thọ lâu bền nhất. Chính vì thế, ngay từ ban đầu chính quyền thành phố đã thành lập đơn vị chuyên trách giám sát các dự án nhà ở giá rẻ, quản lý và theo dõi chặt chẽ từ khâu lập quy hoạch, thiết kế, đến khi thi công, hoàn công, nghiệm thu công trình và đưa vào sử dụng, đảm bảo dự án thực hiện đúng các tiêu chí và tiêu chuẩn theo quy định của địa phương và nhà nước. Mặt khác, trong khi thực hiện đấu thầu các dự án nhà ở giá rẻ, chính quyền thành phố cũng chú trọng công tác mời thầu, lựa chọn nhà thầu là những công ty, doanh nghiệp xây dựng có uy tín, có thực lực, đã thực hiện nhiều dự án có chất lượng cao trên thị trường xây dựng trong và ngoài nước. Hầu như không có sự cố an toàn xây dựng nghiêm trọng nào xảy ra trên địa bàn thành phố, cũng như không có dự án nào lâm vào tình trạng “treo” hoặc để “đắp chiếu”.

Để các dự án nhà ở giá rẻ không lâm vào tình trạng gặp rủi ro về vốn, chính quyền thành phố đã tích cực chủ động tìm hiểu các nhà đầu tư, nhà thầu, đưa ra chiến lược phát triển và thiết lập một cơ chế hỗ trợ phòng ngừa rủi ro cho các dự án. Hệ thống giám sát tài chính được thành lập và theo dõi sát sao các dự án, đảm bảo không gây trở ngại cho doanh nghiệp trong việc thế chấp tài sản để vay vốn, hay giúp doanh nghiệp kiểm soát nguồn vốn, sử dụng

hiệu quả và hợp lý.

Vai trò của Đam Châu trong việc phát triển nhà ở giá rẻ

Thành phố Đam Châu, với những dự án nhà ở giá rẻ được công nhận là sáng tạo, khoa học cả về thiết kế, quy hoạch và thi công, đã trở thành ví dụ điển hình về phát triển nhà ở giá rẻ. Không chỉ đảm bảo được cho đời sống của đa số người dân mà việc quản lý giám sát chặt chẽ, nghiêm túc các khâu thực hiện dự án, chất lượng và việc đảm bảo tính an toàn của nhà ở giá rẻ đã đem lại sự tự tin cho người dân khi sống trong những căn nhà với giá cả phải chăng, mà tiện ích và chất lượng vẫn rất tốt. Đồng thời với việc áp dụng các chính sách và quy định về sử dụng năng lượng, hiệu quả, tận dụng năng lượng tái tạo và nguồn năng lượng tự nhiên như năng lượng mặt trời, sức gió, địa nhiệt..., các công trình nhà ở giá rẻ vẫn đảm bảo được các yếu tố về chiếu sáng, giữ nhiệt, tiết kiệm năng lượng.

Một yếu tố nữa giúp cho thành phố Đam Châu được biết đến nhiều hơn, chính là ở cơ chế phân phối nhà ở xã hội một cách công bằng, minh bạch, đến đúng đối tượng cần. Nghiêm túc ngăn chặn tình trạng đầu cơ, tích trữ, hoặc buôn bán gian lận, đẩy giá nhà ở giá rẻ lên cao. Chính quyền thành phố kiểm soát chặt chẽ việc phân phối nhà ở giá rẻ cho người dân, đảm bảo về giá và độ tin cậy của công trình.

Đam Châu vẫn đang ngày càng phát triển và phấn đấu trở thành thành phố trọng điểm về kinh tế, văn hóa của tỉnh Hải Nam. Trong tương lai, chính quyền tỉnh Hải Nam cũng có kế hoạch đầu tư phát triển vào khu vực này, đồng thời cũng khuyến khích các địa phương trên toàn tỉnh học tập mô hình phát triển của Đam Châu, để đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu về nhà ở của người dân.

Cung Hậu Vũ

Nguồn: <http://www.chinajsbc.cn>

ND: Quỳnh Anh

Bằng cách nào để xây dựng đô thị thông minh phát triển bền vững

“Đô thị thông minh” là sự hội nhập của đô thị hóa, công nghiệp hóa và thông tin hóa, nó là sự kết hợp của các mạng lưới internet, mạng viễn thông, mạng không dây... thực hiện chia sẻ dữ liệu và xử lý thông tin, phản hồi thông tin một cách nhanh nhất đến các bên liên quan, từ đó có phương thức quản lý chặt chẽ và năng động hơn, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công cộng, đưa toàn đô thị vào quỹ đạo vận hành thông minh.

Có thể nói rằng, một mặt, đô thị thông minh hiện đang là xu hướng phát triển của các đô thị trên thế giới, các nước phát triển và trong khu vực như: Mỹ, Châu Âu, Hàn Quốc, Singapore... cũng đang triển khai nhiều dự án thí điểm và đều thu được kết quả tốt; mặt khác, bằng cách nào để xây dựng một đô thị phù hợp với tình hình trong nước, phù hợp với điều kiện của địa phương và phù hợp với thời gian, đồng thời, đô thị thông minh còn phải mang nét đặc trưng của Trung Quốc, điều này cũng đòi hỏi các chuyên gia trong ngành xây dựng cần tiếp tục tìm tòi và khám phá.

Hiện nay, việc xây dựng đô thị theo mô hình thông minh, nâng cao cơ cấu công nghiệp đô thị, nâng cao trình độ quản lý vận hành, tạo ra một môi trường sống và đầu tư tốt, là phương hướng quan trọng để phát triển mô hình đô thị hóa mới tại Trung Quốc. Đến nay, Trung Quốc đã có gần 200 đô thị đề xuất mục tiêu xây dựng đô thị thông minh, trong đó điển hình có Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, Hàng Châu, Vũ Hán... là những đô thị đã bắt đầu công cuộc xây dựng đô thị thông minh. Có thể thấy, việc xây dựng đô thị thông minh tại Trung Quốc mới chỉ là trong giai đoạn trứng nước, nhưng cũng đã tích lũy được một số kinh nghiệm hữu ích, tuy nhiên cũng đang phải đối mặt với một số vấn đề, chủ yếu biểu hiện ở các khía cạnh sau:

Một là, một số đô thị không tiến hành thống

nhất quy hoạch một cách khoa học, do đó trong nội dung quy hoạch không có tính lâu dài và phát triển bền vững. Quy hoạch đô thị thông minh chính là tích hợp công nghệ thông tin vào trong quy hoạch đô thị truyền thống, đồng thời, xem xét đầy đủ sự xuất hiện của công nghệ thông tin mới và những thay đổi mà nó mang lại đối với phương thức vận hành truyền thống. Xây dựng đô thị thông minh là một dự án có hệ thống, nên ngay từ trong giai đoạn quy hoạch, cần có lộ trình thực hiện và xây dựng một cách rõ ràng, ngoài ra, cũng cần thiết phải có cơ chế đồng bộ. Hiện nay, những quy hoạch mang tính chuyên môn liên quan tới việc xây dựng đô thị thông minh vẫn chưa được công bố, những quy hoạch hiện có chủ yếu chỉ mang tính nguyên tắc và hướng dẫn liên quan tới phương hướng ứng dụng và phát triển công nghệ thông minh.

Hai là, vẫn tồn tại hiện tượng gọi là “hòn đảo thông minh”, cần phải nhanh chóng mở rộng thông tin. Trong quá trình ứng dụng thông tin hóa của các cơ quan chủ quản đô thị, mặc dù có tích cực tích lũy một lượng lớn dữ liệu và thông tin, nhưng do các hệ thống được xây dựng độc lập, nên thiếu cơ chế mở rộng và chia sẻ, dẫn đến việc thông tin khó tạo hiệu quả và giá trị sử dụng.

Ba là, tiêu chuẩn và định mức an toàn thông tin của Trung Quốc tụt hậu so với các nước phát triển khác. Do đó cần thúc đẩy việc thiết kế xây dựng đô thị thông minh đạt hiệu quả cao nhất. Đối với việc lập bố cục quy hoạch và xây dựng tiêu chuẩn, cần thiết phải tổng hợp kinh nghiệm của các thành phố khác nhau, căn cứ vào nhu cầu chiến lược phát triển đô thị, nỗ lực đạt các bước đột phá trong một số lĩnh vực, nâng cao chất lượng chức năng đô thị. Ngoài ra còn cần thực hiện tốt một số việc sau:

Tiến hành thống nhất quy hoạch một cách khoa học. Xây dựng đô thị thông minh

cần phải được quy hoạch một cách khoa học, thúc tiến ổn định, tập trung vào hiệu suất. Cần từng bước định rõ phương hướng xây dựng đô thị thông minh, hướng dẫn phổ biến và mở rộng công nghệ, hỗ trợ tối ưu hóa và nâng cấp cơ cấu công nghiệp và phát triển ngành công nghiệp trí tuệ. Đồng thời, hoàn thiện những tiêu chuẩn có liên quan tới xây dựng đô thị thông minh, bao gồm tiêu chuẩn cơ sở hạ tầng đô thị và thiết bị cảm biến... và nhiều các thiết bị thông tin khác; xây dựng quy định về việc tập hợp dữ liệu, truyền tải, lưu trữ và sử dụng, tăng cường tính linh hoạt và khả năng mở rộng của hệ thống. Chính quyền địa phương cần phụ thuộc vào điều kiện của khu vực, lấy con người làm gốc, căn cứ vào những điểm đặc trưng của khu vực mình lựa chọn khu vực trọng điểm để tiến hành xây dựng đô thị thông minh. Đồng thời, tìm ra những cách hợp tác hiệu quả giữa chính quyền và doanh nghiệp, đổi mới mô hình đầu tư, hướng dẫn dùng vốn đầu tư vào việc xây dựng đô thị thông minh, phối hợp với các ngành có liên quan, đồng thời dựa vào các viện nghiên cứu và các doanh nghiệp, tăng cường trong công tác thiết kế, nỗ lực xây dựng một đô thị thông minh hoạt động có hiệu quả.

Tăng cường biện pháp an ninh, hội nhập và chia sẻ nguồn thông tin. Trong quá trình ứng dụng đô thị thông minh, cần làm rõ ranh giới mở rộng và chia sẻ thông tin, xây dựng hệ thống đảm bảo an ninh thông tin cho đô thị thông minh, bởi hệ thống thông tin có thể gây nguy hiểm cho an ninh quốc gia và lợi ích cộng đồng. Ngoài ra cũng cần xây dựng các tiêu chuẩn bảo mật nghiêm ngặt, ngăn chặn rò rỉ thông tin và tăng cường xây dựng hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

Phát triển theo định hướng “dịch vụ dân sinh thông minh”. Lấy con người làm gốc là khái niệm cốt lõi để xây dựng đô thị thông minh, ý nghĩa của nó là trong hệ thống sinh thái đô thị, con người là trọng tâm, trong đô thị, con người phải được cung cấp dịch vụ toàn diện

như: y tế, thực phẩm, nhà ở, giao thông, du lịch, giáo dục... để cư dân sống trong đô thị được hưởng sự an toàn, hiệu quả, thuận tiện, môi trường sống tốt. Dịch vụ dân sinh thông minh là xây dựng hệ thống ứng dụng bao gồm: giao thông thông minh, y tế thông minh, nơi ở thông minh, cộng đồng thông minh, du lịch và kinh doanh thông minh... Ví dụ như: hệ thống dịch vụ y tế thông minh là phát triển dựa trên hồ sơ y tế điện tử, hệ thống chăm sóc từ xa... Từ mô hình đầu tư và vận hành có thể thấy, dịch vụ dân sinh thông minh có thể phân thành hai loại: một loại là doanh nghiệp chủ động phát hiện và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, không cần phải sử dụng nguồn lực của Chính phủ, như vậy, dịch vụ dân sinh thông minh chủ yếu dựa vào hành vi thị trường, Chính phủ không cần can thiệp trực tiếp; một loại nữa là do Chính phủ chỉ đạo hoặc hợp tác với các doanh nghiệp, thông qua các công nghệ thông minh, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ tại các khu công cộng. Như vậy, dịch vụ dân sinh thông minh trong loại này, Chính phủ cần tích cực khám phá mô hình xây dựng và vận hành phù hợp, đồng thời cung cấp hỗ trợ tài chính và các chính sách nhằm thu hút lực đầu tư.

Xây dựng đô thị thông minh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cấp công nghiệp. Việc xây dựng đô thị thông minh sẽ thúc đẩy sự phát triển của một thể hệ mới trong ngành công nghiệp công nghệ thông tin, ngành chế tạo tiên tiến, ngành nông nghiệp thông minh, ngành dịch vụ sản xuất, là cơ hội quan trọng để thúc đẩy nâng cấp và chuyển đổi ngành công nghiệp đô thị. Đối mặt trước tình trạng môi trường tài nguyên ngày càng hạn chế, các đô thị ở Trung Quốc có thể phát triển ứng dụng công nghệ thông tin thể hệ mới, thúc đẩy công nghệ thông tin hội nhập và phát triển trong ngành công nghiệp, hướng dẫn doanh nghiệp đưa công nghệ điện toán đám mây... vào việc xây dựng nền tảng dịch vụ công nghệ thông tin, đưa công nghệ Internet of Things

(IoT) (là công nghệ tập hợp các thiết bị có khả năng kết nối với nhau, với Internet và với thế giới bên ngoài để thực hiện một công việc nào đó) vào trong quản lý, có thể kiểm soát quá trình sản xuất, giám sát thiết bị sản xuất, truy tìm nguồn gốc chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng cho doanh nghiệp và đảm bảo sản xuất an toàn... Tăng cường nâng cao mức độ

thông minh trong phát triển kinh tế, xây dựng một dây chuyền công nghiệp thông minh, thúc đẩy ngành dịch vụ sản xuất phát triển, có hiệu quả thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cấp ngành công nghiệp của Trung Quốc.

Nguồn: <http://newsccn.com> (ngày 3/7/2014)

ND: Bích Ngọc

Công cuộc xây dựng thành phố thông minh tại Châu Âu và những gợi ý

Vào đầu thế kỷ XXI, các nước trên thế giới đã bắt đầu hiện thực hóa khái niệm về thành phố thông minh. Năm 2000, thành phố Southampton, nước Anh đã khởi động hạng mục thể thông minh. Kể từ đó, bức màn về xây dựng thành phố thông minh tại các nước trên thế giới chính thức được mở ra.

I. Nước Anh

1. Gloucestershire triển khai thí điểm tầng thông minh

Gloucestershire là thành phố nằm phía Tây Nam nước Anh, tiếp giáp với xứ Wales. Năm 2007, nước Anh đã xây dựng thí điểm "tầng thông minh" tại Gloucestershire với việc lắp đặt thiết bị cảm biến ở xung quanh nhà ở. Thông tin truyền lại từ thiết bị cảm biến giúp máy tính chủ có thể kiểm soát được các loại thiết bị trong gia đình. Tầng thông minh được lắp đặt mạng lưới thông tin liên lạc và giám sát với trọng tâm là thiết bị đầu cuối máy tính giúp tia hồng ngoại và đệm cảm ứng có thể tự động giám sát được hoạt động của người già trong nhà. Tầng thông minh còn có các thiết bị y tế, có thể giúp người già đo nhịp tim, huyết áp... đồng thời kiểm tra kết quả tự động rồi truyền thông tin tới các bác sĩ có liên quan.

2. Cộng đồng Beddington, London phát triển năng lượng không hóa thạch

Cộng đồng Beddington là một cộng đồng phát triển bền vững Cacbon thấp lớn nhất nước Anh. Cấu tạo các công trình nơi đây đều được



Cộng đồng sinh thái Beddington, London, Anh

xem xét từ góc độ nâng cao tận dụng năng lượng. Quạt thông gió trên mái nhà tại cộng đồng là thiết bị thông gió tự nhiên gồm hai đường ống khí vào và khí ra. Khi không khí lạnh từ ngoài nhà đi vào và không khí nóng từ trong nhà thoát ra sẽ phát sinh trao đổi nhiệt, như vậy có thể tiết kiệm năng lượng cần thiết cho sưởi ấm. Do lựa chọn thiết kế cách nhiệt, cấp nhiệt thông minh, lấy ánh sáng tự nhiên... và sử dụng tổng hợp các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng sinh khối..., tiểu khu này so với vùng lân cận thường sống trong các khu dân cư có thể tiết kiệm khoảng 81% hao phí năng lượng cho cấp nhiệt và 40% hao phí cho điện lực.

II. Thụy Điển

Việc xây dựng thành phố thông minh tại Thụy Điển chủ yếu thể hiện ở hệ thống giao thông, trong đó, thủ đô Stockholm chính là

thành phố chuẩn của giao thông thông minh. Bình quân mỗi ngày Stockholm có khoảng 450 nghìn chiếc xe lưu thông qua khu thương mại trung tâm của thành phố và đôi khi cũng xảy ra ùn tắc giao thông nghiêm trọng. Vì vậy, Cục Quản lý đường bộ Thụy Điển đã mời IBM thiết kế, xây dựng và vận hành một hệ thống thu phí thông minh, tiên tiến, bao gồm webcam, thiết bị cảm biến, thiết bị dịch vụ trung ương để xác định công cụ giao thông và căn cứ thời gian, địa điểm xuất hành của xe để thu phí. Động thái này đã giúp giảm 20% lượng giao thông, giảm 12% lượng phát thải. Dưới sự giúp đỡ của công ty IBM, Stockholm cũng đã thiết lập 18 trạm kiểm soát bên đường tại các tuyến đường thông với trung tâm thành phố. Thông qua sử dụng kỹ thuật RFID (Radio Frequency Identification, nhận dạng bằng sóng vô tuyến), lợi dụng tia laser, máy ảnh và hệ thống tiên tiến xác định lưu lượng xe tự do để tự động phân biệt xe đi vào thành phố trung tâm và tiến hành thu thuế các xe đã đăng ký khi vào thành phố trung tâm từ thứ hai tới thứ sáu trong tuần (trừ ngày lễ) trong khoảng thời gian từ 6:30 sáng tới 18:30 chiều. Thông qua thu “thuế ùn tắc giao thông” để giảm lưu lượng xe, ùn tắc giao thông đã giảm 25%, thời gian cần thiết cho xếp hàng giao thông giảm 50%, lượng khí thải giao thông giảm từ 8% đến 14%, các loại khí thể nhà kính như CO₂... giảm 40%. Do công tác bảo vệ môi trường được thực hiện hết sức xuất sắc, vào tháng 2/2010, thủ đô Stockholm đã được Ủy ban Liên minh Châu Âu bình chọn là “Thủ đô xanh Châu Âu” đầu tiên.

III. Hà Lan

Thủ đô Amsterdam, Hà Lan có thể coi là hình mẫu trong xây dựng thành phố thông minh của Châu Âu và cũng là một trong những thành phố bắt đầu xây dựng thành phố thông minh sớm nhất trên thế giới. Việc xây dựng thành phố thông minh của Amsterdam chủ yếu thể hiện ở 4 phương diện dưới đây:

1. Cuộc sống bền vững



Thành phố Amsterdam, Hà Lan

Amsterdam là thành phố lớn nhất của Hà Lan, có tổng cộng hơn 400 nghìn hộ gia đình, chiếm 1/3 lượng CO₂ phát thải trong toàn quốc. Để cải thiện các vấn đề về môi trường, thành phố đã khởi động hai hạng mục (Hạng mục WestOrange và Hạng mục Geuzenveld) thông qua kỹ thuật thông minh hóa tiết kiệm năng lượng, giảm lượng phát thải CO₂ và tiêu hao năng lượng. Nội dung chủ đạo của hạng mục Geuzenveld là lắp đặt cho hơn 700 hộ gia đình các đồng hồ điện thông minh và thiết bị hiển thị phản hồi năng lượng nhằm khuyến khích các cư dân quan tâm hơn nữa tới tình hình sử dụng năng lượng của gia đình mình và học được cách xác lập phương án tiết kiệm năng lượng cho gia đình. Trong hạng mục WestOrange, 500 hộ gia đình sẽ được lắp đặt thử nghiệm một hệ thống quản lý năng lượng kiểu mới. Mục đích của nó là tiết kiệm 14% nguồn năng lượng đồng thời giảm lượng phát thải CO₂.

2. Công việc bền vững

Để giúp cho nguồn tài nguyên nhà cao tầng có được sự tận dụng hợp lý, hiệu quả cao, thành phố Amsterdam đã khởi động hạng mục nhà cao tầng thông minh. Nhà cao tầng thông minh trên cơ sở không mang tới những ảnh hưởng tiêu cực tới chức năng văn phòng làm việc và cư trú, giảm thiểu tiêu hao nguồn năng lượng xuống mức thấp nhất, đồng thời trên cơ sở phân tích các số liệu cụ thể về việc sử dụng

năng lượng của tòa nhà, hệ thống điện lực sẽ được hoạt động hiệu quả hơn. Trong số các hạng mục nhà cao tầng thông minh, ITO Tower là hạng mục mang tính thử nghiệm và kiểu mẫu với tổng diện tích lên tới 38 nghìn m².

3. Giao thông bền vững

Lượng phát thải CO₂ của các phương tiện giao thông tại Amsterdam như taxi, xe buýt, xe tải, du thuyền... gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường của thành phố. Để giải quyết hiệu quả vấn đề này, thành phố đã thực thi hạng mục Energy Dock. Hạng mục thông qua bố trí 154 cổng truy cập điện tại 73 trạm điện ven bờ của cảng Amsterdam để thuận tiện cho các du thuyền và tàu chở hàng nạp điện, tận dụng phát điện năng lượng sạch để thay thế cho các máy phát điện chạy bằng dầu vốn gây khá nhiều ô nhiễm.

4. Không gian công cộng bền vững

Con phố lớn Utrechtsestraat là một con phố tiêu biểu nằm ở trung tâm thành phố Amsterdam. Hai bên đường chật chội, đông đúc với những quán cà phê, khách sạn. Bình thường, các xe buýt cỡ nhỏ và xe tải đi lại để vận chuyển hàng hóa hoặc rác thải thường gây ra ùn tắc giao thông. Tháng 6/2009, thành phố Amsterdam đã khởi động Hạng mục Con phố khí hậu (The Climate Street) nhằm cải thiện tình hình giao thông tại Utrechtsestraat.

IV. Đan Mạch

Thủ đô Copenhagen của Đan Mạch được biết đến với danh hiệu “Thành phố xe đạp”. Những năm gần đây, để thực hiện mục tiêu không phát thải, Copenhagen đã khích lệ người dân thành phố đi xe đạp. Năm 2010, Copenhagen bắt đầu mở rộng sử dụng một loại xe đạp thông minh giúp việc đi xe trở nên nhẹ nhàng hơn. Bánh xe của loại xe đạp này có lắp đặt pin dự trữ năng lượng, đồng thời trên tay lái còn lắp đặt hệ thống kỹ thuật nhận dạng bằng tần số radio (Radio Frequency Identification, RFID) hoặc hệ thống định vị toàn cầu (GPS). Thông qua hệ thống tín hiệu để đảm bảo cho

việc xuất hành thông suốt. Ngoài ra, chính quyền thành phố còn nỗ lực hoàn thiện việc xây dựng các cơ sở hạ tầng đồng bộ ven đường, ví dụ trạm dịch vụ cung cấp công cụ sửa chữa đơn giản, tiện lợi..., giúp việc đi lại bằng xe đạp trở nên thuận lợi. Các số liệu cho thấy, loại xe đạp kiểu mới này và hệ thống hạ tầng đồng bộ thực sự tỏ ra rất hiệu quả. Ngày càng nhiều người dân thành phố kéo dài khoảng cách đi xe đạp nhằm giảm sử dụng các phương tiện giao thông sản sinh các khí thể nhà kính. Dự tính tới năm 2015, số lượng người dân thành phố Copenhagen sử dụng xe đạp để đi tới các vùng ngoại ô sẽ đạt tới tỷ lệ 50%.

V. Những gợi ý

Từ thực tiễn xây dựng “Thành phố thông minh” tại các nước trên thế giới, nhiều bài học và kinh nghiệm quý báu đã được rút ra.

1. Mục tiêu

Các nước tiến hành xây dựng “thành phố thông minh” là nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn nào đó. Ví dụ, Thành phố thông minh Dubuque của Mỹ với mục tiêu tiết kiệm năng lượng; thành phố Stockholm của Thụy Điển với mục tiêu giải quyết vấn đề giao thông; thành phố Copenhagen của Đan Mạch với mục tiêu giảm phát thải.

2. Lợi ích kinh tế thực tế

Tại các nước, mỗi hạng mục chi tiêu tài chính đều cần thông qua sự đồng ý của người dân thành phố đồng thời trải qua sự tranh luận và các trình tự phức tạp. Bởi vậy, việc xây dựng “thành phố thông minh” tại các thành phố này không thể mở rộng toàn diện mà để giải quyết vấn đề, một công trình hoặc hạng mục nào đó sẽ được thực thi. Ví dụ, công trình đường chiếu sáng thông minh tại San Jose (thành phố phía Tây bang California, Mỹ), hạng mục nhà cao tầng thông minh tại Amsterdam (Hà Lan), “tầng thông minh” tại Gloucestershire (Anh)...

3. Lấy con người làm gốc

Thành phố thông minh không thể tách rời sự tham gia của cộng đồng, vì vậy, việc xây dựng

“Thành phố thông minh” trước hết phải xem xét tới cảm nhận của cộng đồng. Lấy Copenhagen làm ví dụ: Để khích lệ người dân thành phố đi xe đạp, Copenhagen đã mở rộng ứng dụng loại xe đạp thông minh giúp người sử dụng cảm thấy nhẹ nhàng hơn. Ngoài ra, chính quyền thành phố còn nỗ lực hoàn thiện xây dựng các

cơ sở hạ tầng đồng bộ để việc đi xe đạp trở nên tiện lợi.

Ngô Thanh

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 5/2014*

ND: Kim Nhạn

HỘI THẢO QUẢN LÝ TỔNG HỢP CHẤT THẢI RẮN TẠI VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2014



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo